

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN MỞ TÀI KHOẢN VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN TẠI TCBS

(đính kèm Hợp đồng kèm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở)

Các Điều Khoản Và Điều Kiện Mở Tài Khoản Và Sử Dụng Dịch Vụ Chứng Khoán Tại TCBS (“**Các Điều Khoản Và Điều Kiện**”) này được áp dụng cho việc mở tài khoản giao dịch chứng khoán và sử dụng các dịch vụ chứng khoán tại Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương (“**TCBS**”).

Các Điều Khoản Và Điều Kiện này bao gồm: (A) Các Điều Khoản Và Điều Kiện chung về việc mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán (gọi tắt là **Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung**), (B) Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về giao dịch điện tử, (C) Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, (D) Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về giao dịch ký quỹ chứng khoán, (E) Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về giao dịch chứng chỉ quỹ mở, và Các Điều Khoản Và Điều Kiện khác do TCBS quy định từng thời kỳ. Các Điều Khoản Và Điều Kiện này được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm để phù hợp với thực tế thị trường và phù hợp với quy định của pháp luật. Vui lòng truy cập Website của TCBS tại <https://tcbs.com.vn> và/hoặc đăng nhập vào Tài Khoản Giao Dịch để có phiên bản mới nhất của Các Điều Khoản Và Điều Kiện.

A. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung này điều chỉnh các vấn đề chung giữa TCBS và Khách Hàng liên quan đến việc mở tài khoản và sử dụng dịch vụ trên tài khoản giao dịch chứng khoán (“**TKGD**”) và được áp dụng cho tất cả các loại TKGD mà Khách Hàng mở tại TCBS và tất cả các dịch vụ mà TCBS cung cấp cho Khách Hàng tại từng thời điểm. Khi đăng ký mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán tại TCBS, Khách Hàng xác nhận rằng Khách Hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung này (bao gồm cả Thông Báo Bảo Mật Và Riêng Tư Dữ Liệu) và đồng ý chịu ràng buộc bởi Các Điều Khoản Và Điều Kiện này và các bản sửa đổi, bổ sung do TCBS thực hiện tại từng thời điểm.

Điều 1 Giải thích từ ngữ

- 1.1. “**Các Điều Khoản Và Điều Kiện**”: là toàn văn của Các Điều Khoản Và Điều Kiện mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán tại TCBS (sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).
- 1.2. “**Hợp Đồng**”: là bộ hợp đồng hoàn chỉnh điều chỉnh việc mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán tại TCBS, bao gồm Hợp đồng kèm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở, Các Điều Khoản Và Điều Kiện và các thỏa thuận, văn bản được ký kết giữa Khách Hàng và TCBS liên quan đến việc mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán từng thời điểm.
- 1.3. “**Hồ Sơ Nhận Diện**”: là các văn bản, giấy tờ, tài liệu để nhận diện Khách Hàng bao gồm: (i) chứng minh nhân dân/căn cước công dân/thẻ căn cước/hộ chiếu (đối với cá nhân), (ii) Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức trong nước), (iii) Văn bản cấp Mã số giao dịch chứng khoán/Hộ chiếu/Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), và (iv) các tài liệu khác có giá trị pháp lý để nhận diện Khách Hàng.
- 1.4. “**Khách Hàng**”: là tổ chức, cá nhân mở tài khoản giao dịch chứng khoán và sử dụng dịch vụ chứng khoán tại TCBS.
- 1.5. “**Ngày Làm Việc**”: là bất kỳ ngày nào không phải Thứ bảy, Chủ nhật hay ngày nghỉ, ngày lễ (kể cả ngày nghỉ bù, ngày nghỉ khác) theo quy định hoặc thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và/hoặc các Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 1.6. “**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**”: là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và/hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.7. “**TCBS**”: là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
- 1.8. “**TKGD**” hoặc “**Tài Khoản Giao Dịch**”: là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách Hàng mở tại TCBS, bao gồm: (i) tài khoản giao dịch chứng khoán (TKGDCK); (ii) tài khoản giao dịch ký quỹ (TKGDKQ) (tùy từng trường hợp áp dụng); (iii) tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở (TKGDCCQM); (iv) tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh (TKGDCKPS), và (v) các tài khoản khác được Khách Hàng đăng ký và được TCBS chấp thuận theo quy định của TCBS từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.
- 1.9. “**TPRL**”: là trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ theo quy định pháp luật.
- 1.10. “**VSDC**”: là Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 2 Mở tài khoản và sử dụng dịch vụ

- 2.1. Khách Hàng yêu cầu và TCBS đồng ý mở Tài Khoản Giao Dịch cho Khách Hàng tại TCBS. Việc mở Tài Khoản Giao Dịch sẽ tuân theo quy định, chính sách của TCBS từng thời kỳ. Để mở Tài Khoản Giao Dịch, Khách Hàng cần (i) điền đầy đủ thông tin trong Hợp đồng kèm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở và (ii) cung cấp Tài Liệu Nhận Diện Khách Hàng theo yêu cầu của TCBS. Khách Hàng chịu trách nhiệm về toàn bộ các thông tin, giấy tờ, hồ sơ, tài liệu, xác nhận cung cấp cho TCBS để mở Tài Khoản Giao Dịch và phải thông báo ngay với TCBS khi có sự thay đổi với các thông tin, giấy tờ, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho TCBS.
- 2.2. Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng được mở tại TCBS bao gồm: (i) tài khoản giao dịch chứng khoán (TKGDCK); (ii) tài khoản giao dịch ký quỹ (TKGDKQ) (trừ các trường hợp pháp luật không cho phép mở TKGDKQ); (iii) tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở (TKGDCCQM); (iv) tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh (TKGDCKPS), và (v) các tài khoản khác được Khách Hàng đăng ký và được TCBS chấp thuận theo quy định của TCBS từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật. Tùy từng bối cảnh cụ thể, tại các dịch vụ cụ thể, Tài Khoản Giao Dịch được hiểu là một, một số hoặc toàn bộ các tài khoản giao dịch thuộc các mục từ (i) tới (v) nêu trên.
- 2.3. TCBS cung cấp các dịch vụ và thực hiện các công việc theo Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - 2.3.1. Mở TKGD theo đề nghị của Khách Hàng;
 - 2.3.2. Quản lý tiền, chứng khoán của Khách Hàng trên TKGD phù hợp với quy định pháp luật;
 - 2.3.3. Thực hiện giao dịch chứng khoán theo lệnh của Khách Hàng và cung cấp kết quả giao dịch cho Khách Hàng; cung cấp bản sao kê, thông tin khác khi Khách Hàng có yêu cầu;
 - 2.3.4. Thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Khách Hàng theo ủy quyền của Khách Hàng tại VSDC hoặc tổ chức cung cấp các dịch vụ liên quan đến hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký giao dịch theo quy định pháp luật từng thời kỳ; và
 - 2.3.5. Cung cấp các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật từng thời điểm và được công bố trên website của TCBS.

Điều 3 Cách thức đặt/nhận lệnh

- 3.1. Khách Hàng có thể đặt lệnh giao dịch chứng khoán thông qua một loại lệnh cụ thể và TCBS nhận lệnh giao dịch của Khách Hàng theo các hình thức sau đây:
 - 3.1.1. Đặt lệnh/nhận lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch của TCBS bằng cách nộp phiếu lệnh giấy tại quầy giao dịch theo mẫu và phương thức do TCBS quy định;
 - 3.1.2. Đặt lệnh/nhận lệnh thông qua các phương thức giao dịch điện tử theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Giao dịch điện tử;

3.1.3. Đặt lệnh/nhận lệnh thông qua các phương thức giao dịch khác được đồng ý bởi TCBS và Khách Hàng phù hợp quy định pháp luật.

- 3.2. Mỗi lệnh đặt theo (các) hình thức nêu trên sẽ tạo thành một phiếu lệnh giao dịch chứng khoán, ghi lại các thông tin đặt lệnh giao dịch của Khách Hàng.
- 3.3. Khách Hàng có thể sửa đổi, hủy bỏ lệnh, phiếu lệnh giao dịch tại bất cứ thời điểm nào trước khi lệnh được khớp phù hợp với quy định của TCBS, quy định của pháp luật. Trường hợp lệnh không thể hủy được thì Khách Hàng phải chấp nhận với kết quả giao dịch đó.
- 3.4. Khách Hàng có thể tự mình đặt lệnh hoặc ủy quyền cho người khác đặt lệnh giao dịch chứng khoán. Khi thực hiện ủy quyền theo quy định của TCBS, Khách Hàng xác nhận rằng mình hoàn toàn nhận thức và hiểu được các vấn đề phát sinh, hậu quả do việc ủy quyền đặt lệnh và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ hành vi đặt lệnh của người được ủy quyền.
- 3.5. Các lệnh giao dịch chứng khoán trên TKGD là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng. Lệnh giao dịch trên TKGDCK, TKGDCCQM và các tiểu khoản khác (nếu có) được phân biệt với các lệnh giao dịch trên TKGDCK thông qua số hiệu tài khoản. Khách Hàng đồng ý và xác nhận rằng đã cân nhắc kỹ lưỡng khi đặt lệnh, ký, xác nhận vào phiếu lệnh giao dịch chứng khoán và Khách Hàng chấp nhận mọi kết quả giao dịch do TCBS thực hiện theo lệnh giao dịch của Khách Hàng.

Điều 4 ***Tỷ lệ ký quỹ đặt mua/bán chứng khoán được áp dụng***

Khách Hàng phải bảo đảm tỷ lệ ký quỹ bằng tiền và chứng khoán trong giao dịch theo quy định của TCBS, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5 ***Lãi suất trên số dư trên TKGD chứng khoán***

Khách Hàng được hưởng lãi suất đối với số dư tiền gửi trên TKGD theo quy định của TCBS tại từng thời điểm.

Điều 6 ***Cách thức xử lý tài sản trong trường hợp Khách Hàng không thanh toán/ không có khả năng thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ tài chính cho TCBS***

Trường hợp Khách Hàng có nghĩa vụ tài chính phát sinh theo Hợp Đồng đến hạn phải trả cho TCBS mà Khách Hàng không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ tài chính đó, Khách Hàng đồng ý và ủy quyền cho TCBS được quyền: (i) tự động trích tiền và/hoặc bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán trên TKGD của Khách Hàng; (ii) lập ủy nhiệm thu hoặc yêu cầu ngân hàng nơi Khách Hàng mở tài khoản thanh toán và/hoặc ngân hàng lưu ký (nếu có) để ghi nợ tiền trong tài khoản thanh toán của Khách Hàng; (iii) yêu cầu bên thứ ba có liên quan nơi Khách Hàng có tài sản và/hoặc khoản phải thu tất toán một phần hoặc toàn bộ các giao dịch của Khách Hàng theo các thỏa thuận/hợp đồng mà Khách Hàng đã ký với bên đó (trong phạm vi các thỏa thuận/hợp đồng đó cho phép) để trích tiền và/hoặc bán một phần hoặc toàn bộ tài sản của Khách Hàng tại bên đó; (iv) đình chỉ việc nhận lệnh của Khách Hàng, đồng thời hủy các lệnh chưa thực hiện; và (v) thực hiện các biện pháp khác theo toàn quyền quyết định của TCBS để xử lý tiền, chứng khoán và tài sản khác nhằm thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính của Khách Hàng với TCBS.

Để làm rõ, nghĩa vụ tài chính của Khách Hàng theo Hợp Đồng bao gồm nhưng không giới hạn: nghĩa vụ thanh toán các loại thuế và phí giao dịch, các loại phí khác, tiền phạt; các nghĩa vụ nợ; nghĩa vụ hoàn trả tiền do các trường hợp sai sót về mặt số liệu tính toán hoặc lỗi giao dịch hoặc hạch toán nhầm hoặc lỗi kỹ thuật, vận hành dẫn đến ghi sai số tiền trên TKGD của Khách Hàng; và các nghĩa vụ thanh toán khác mà Khách Hàng phải trả cho TCBS theo các quy định của Hợp Đồng. Trong trường hợp số dư tiền, chứng khoán và tài sản khác của Khách Hàng tại TCBS và các bên có liên quan không đủ để thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh, TCBS có quyền tiếp tục yêu cầu Khách Hàng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và bồi thường thiệt hại (nếu có) cho TCBS. Khách Hàng theo đây đồng ý và chấp thuận, ủy quyền và chỉ định TCBS thay mặt và đại diện cho Khách Hàng để làm việc với các bên liên quan và thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết (bao gồm ký kết các tài liệu liên quan) để thực hiện việc xử lý tài sản nhằm thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính của Khách Hàng theo các quy định trên đây.

Điều 7 ***Giao dịch trái phiếu riêng lẻ***

- 7.1. Khách Hàng đăng ký sử dụng TKGDCK để thực hiện giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.
- 7.2. Khách Hàng hiểu và đồng ý rằng chỉ được mua TPRL khi đáp ứng là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật. Khách Hàng theo đây đồng ý ủy quyền cho TCBS tự động đánh giá/nâng hạng Khách Hàng thành nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
- 7.3. Khách Hàng thực hiện giao dịch TPRL theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về giao dịch TPRL do TCBS ban hành và quy định pháp luật từng thời kỳ.

Điều 8 ***Quyền của Khách Hàng***

- 8.1. Sở hữu hợp pháp số tiền và chứng khoán trên TKGD.
- 8.2. Đặt lệnh mua bán chứng khoán theo quy định của TCBS, quy định của pháp luật.
- 8.3. Được hưởng các khoản lợi nhuận, quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh từ số tiền và chứng khoán trên TKGD của mình tại TCBS như: cổ tức, lãi trái phiếu, cổ phiếu thưởng, hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp khác theo quy định của tổ chức phát hành và quy định của pháp luật.
- 8.4. Được yêu cầu TCBS sửa lệnh, hủy lệnh đối với những lệnh giao dịch chưa khớp hoặc phần chưa khớp của lệnh theo đúng quy định hiện hành của mỗi Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 8.5. Được TCBS thông báo đầy đủ về kết quả thực hiện các giao dịch chứng khoán mà Khách Hàng ủy quyền.
- 8.6. Yêu cầu rút một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi TKGD khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng.
- 8.7. Thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo các quy định của TCBS và quy định của pháp luật.
- 8.8. Các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

Điều 9 ***Nghĩa vụ của Khách Hàng***

- 9.1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin được liệt kê tại Hợp Đồng và bất kỳ tài liệu, thỏa thuận, hồ sơ, giấy tờ cung cấp/ký kết với TCBS để thực hiện các công việc theo Hợp Đồng và phải thông báo cho TCBS khi phát sinh những thay đổi. Việc thông báo thay đổi phải được tiến hành trong vòng 07 Ngày Làm Việc kể từ ngày phát sinh những thay đổi đó. Trường hợp cung cấp thông tin, tài liệu, thỏa thuận, hồ sơ, giấy tờ sai sự thật, không đầy đủ hoặc không chính xác, Khách Hàng phải chịu phạt và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh và/hoặc bị TCBS ngừng cung cấp dịch vụ và/hoặc chấm dứt thực hiện Hợp Đồng.
- 9.2. Nếu Khách Hàng là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này thì Khách Hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin theo hướng dẫn và mẫu biểu cho TCBS áp dụng cho từng thời kỳ (được đăng tải trên website của TCBS) mỗi khi phát sinh thay đổi thông tin.
- 9.3. Thanh toán các khoản phí môi giới và các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác theo quy định của TCBS tùy từng thời kỳ đối với các giao dịch do TCBS thực hiện theo lệnh của Khách Hàng (trừ trường hợp TCBS và Khách Hàng có thỏa thuận bằng văn bản khác thì áp dụng theo văn bản thỏa thuận đó). Khách Hàng theo đây ủy quyền cho TCBS được (i) sử dụng tiền trên TKGD mà Khách Hàng mở tại TCBS và/hoặc (ii) yêu cầu ngân hàng nơi Khách Hàng mở tài khoản để thực hiện thanh toán phí giao dịch, các khoản phí, các nghĩa vụ nợ phát sinh và thuế (nếu có) cho TCBS.
- 9.4. Nộp các khoản thuế theo đúng quy định của pháp luật (nếu có) phát sinh từ các giao dịch của Khách Hàng.
- 9.5. Đặt lệnh, thực hiện giao dịch, sử dụng các dịch vụ theo các hướng dẫn, quy định của pháp luật, các Sở Giao Dịch Chứng Khoán và quy định của TCBS.
- 9.6. Tuân thủ quy định pháp luật về chứng khoán, không thực hiện các hành vi vi phạm, hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- 9.7. Thực hiện ký quỹ tiền và chứng khoán đúng hạn để bảo đảm cho TCBS thực hiện các giao dịch cho Khách Hàng.
- 9.8. Bảo đảm tính hợp pháp số tiền và chứng khoán mà Khách Hàng đang sở hữu.
- 9.9. Tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và các hướng dẫn của TCBS liên quan đến việc sử dụng TKGD.
- 9.10. Tự chịu trách nhiệm công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán, chuyển nhượng chứng khoán trên TKGD của Khách Hàng mà theo quy định của pháp luật Khách Hàng có nghĩa vụ công bố thông tin, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách Hàng tự bán chứng khoán, TCBS thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố.
- 9.11. Khách hàng có trách nhiệm tự mình hoặc thông qua người được ủy quyền kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền và chứng khoán trên TKGD của Khách Hàng. Mọi yêu cầu, thắc mắc của Khách Hàng liên quan đến TKGD cũng như những dịch vụ TCBS cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sai sót, gian lận, giao dịch trái thẩm quyền hoặc bất kỳ sự phản đối nào của Khách Hàng, phải được gửi đến TCBS trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch trên TKGD của Khách Hàng. Sau thời hạn trên, Khách Hàng chấp nhận tình trạng giao dịch, số dư tiền và chứng khoán trên TKGD của mình, và theo đó TCBS được miễn trừ mọi nghĩa vụ đối với bất kỳ giao dịch nào được xác lập trên TKGD của Khách Hàng, trừ các giao dịch mà Khách Hàng đã thông báo theo đúng quy định tại điều này và đã được xác minh là có sai sót hoặc gian lận hoặc là giao dịch trái thẩm quyền.
- 9.12. Thông báo kịp thời cho TCBS những sai sót, nhầm lẫn trên TKGD của Khách Hàng và hoàn trả cho TCBS và/hoặc chủ sở hữu hợp pháp đối với (các) khoản ghi có hoặc số tiền thừa trên TKGD do nhầm lẫn, sai sót về mặt số liệu tính toán, lỗi giao dịch, hạch toán nhầm hoặc lỗi kỹ thuật, vận hành và các lỗi khác và được hoàn trả (các) khoản ghi nợ mà không phải là của Khách Hàng do sai sót hay nhầm lẫn. Trường hợp Khách Hàng không hợp tác để trả lại (các) khoản ghi có hoặc số tiền thừa trên TKGD do nhầm lẫn, sai sót thì TCBS sẽ thực hiện xử lý tài sản của Khách Hàng theo quy định tại Điều 6.
- 9.13. Khách Hàng có trách nhiệm tự xác định tình trạng FATCA của mình. Trong trường hợp Khách Hàng thuộc diện phải cung cấp bộ tài liệu chứng minh FATCA, Khách Hàng cam kết cung cấp các biểu mẫu được điền đầy đủ và/hoặc các tài liệu chứng minh theo quy định của TCBS phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.
- 9.14. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng, quy định của pháp luật áp dụng.

Điều 10 ***Quyền của TCBS***

- 10.1. Hưởng phí môi giới và các khoản phí khác do TCBS áp dụng từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.
- 10.2. Thực hiện việc lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Khách Hàng theo quy định của pháp luật.
- 10.3. Được quyền từ chối thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán của Khách Hàng khi lệnh không phù hợp với quy định của TCBS và quy định pháp luật hiện hành.
- 10.4. Thanh toán tiền, chứng khoán trên tài khoản của Khách Hàng theo lệnh giao dịch của Khách Hàng đã được thực hiện.
- 10.5. Được thực hiện các ủy quyền hợp pháp theo thỏa thuận với Khách Hàng.
- 10.6. Công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán/chuyển nhượng chứng khoán trên TKGD của Khách Hàng mà theo quy định của pháp luật thì TCBS có nghĩa vụ công bố, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp Khách Hàng tự bán chứng khoán (nếu pháp luật quy định TCBS phải công bố thông tin) hoặc TCBS thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố trên TKGD của Khách Hàng.
- 10.7. Không phụ thuộc vào việc Khách Hàng thông báo cho TCBS những sai sót và nhầm lẫn trên bất kỳ TKGD nào của Khách Hàng quy định tại Điều 9.12 trên đây, TCBS được quyền tự động điều chỉnh các giao dịch tiền hạch toán sai hoặc nhầm lẫn khi TCBS có cơ sở để xác định được giao dịch hoặc việc hạch toán đó là không chính xác mà không cần sự đồng ý trước của Khách Hàng.
- 10.8. TCBS có quyền chỉ định bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ nào do TCBS lựa chọn để thực hiện việc nhận biết, xác minh thông tin Khách Hàng hoặc thực hiện các công việc liên quan trong quá trình mở TKGD bằng phương thức trực tuyến mà không cần Khách Hàng chấp thuận và không có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách Hàng dưới bất kỳ hình thức nào.
- 10.9. Các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

Điều 11 ***Nghĩa vụ của TCBS***

- 11.1. Thực hiện các giao dịch của Khách Hàng phù hợp với quy định của TCBS và nội dung của Hợp Đồng.
- 11.2. Lưu giữ, bảo quản tiền và chứng khoán trên TKGD của Khách Hàng.
- 11.3. Giữ bí mật các thông tin về Khách Hàng, trừ trường hợp phải cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu/chấp thuận của Khách Hàng.
- 11.4. Thông báo kết quả giao dịch cho Khách Hàng qua hòm thư đến của tài khoản chứng khoán hoặc tin nhắn điện thoại, email Khách Hàng đã đăng ký.
- 11.5. Không được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trừ trường hợp Khách Hàng vi phạm Hợp Đồng và/hoặc Khách Hàng thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật.
- 11.6. Bồi thường thiệt hại cho Khách Hàng theo quy định của pháp luật trong trường hợp TCBS vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp Đồng và nếu các thiệt hại đó phát sinh do lỗi của TCBS. Mức bồi thường thiệt hại do các bên thỏa thuận cụ thể hoặc theo quy định của pháp luật.
- 11.7. Cung cấp thông tin, sao kê về nội dung của Hợp Đồng và các thông tin trên TKGD của Khách Hàng khi nhận được yêu cầu hợp lệ từ Khách Hàng.
- 11.8. Trong trường hợp TCBS bị đình chỉ hoạt động, bị hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ, điều chỉnh rút nghiệp vụ môi giới, giải thể hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, TCBS sẽ thực hiện thủ tục chuyển khoản toàn bộ chứng khoán (đối với TKGDCK, TKGDCKQ); chuyển khoản vị thế, ký quỹ (đối với TKGD phát sinh) của Khách Hàng sang công ty chứng khoán khác hoặc thành viên bù trừ khác theo chỉ định của Khách Hàng sau khi nhận được đề nghị bằng văn bản của Khách Hàng và các hồ sơ có liên quan (đối với trường hợp Khách Hàng đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ, lãi, giá dịch vụ, thuế, lệ phí, nghĩa vụ khác cho TCBS) và/hoặc TCBS thực hiện các phương thức xử lý khác phù hợp với quy định của Hợp Đồng và quy định của pháp luật.
- 11.9. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

Điều 12 ***Ủy quyền/ủy thác sử dụng TKGD***

Trường hợp Khách Hàng ủy quyền/ủy thác cho một bên thứ ba sử dụng/quản lý TKGD của mình, Khách Hàng phải lập Giấy ủy quyền/Hợp đồng ủy thác có các nội dung đáp ứng yêu cầu của TCBS và phù hợp với quy định của pháp luật. Khách Hàng cam kết tự chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về việc ủy quyền/ủy thác đồng thời cam kết không thực hiện bất cứ khiếu nại, khiếu kiện nào với TCBS do TCBS thực hiện theo các yêu cầu, đề nghị của người được ủy quyền/ủy thác của Khách Hàng trong phạm vi nội dung ủy quyền/ủy thác.

Điều 13 ***Giải quyết tranh chấp***

Tất cả các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, một trong hai bên có thể đưa ra Tòa án có thẩm quyền xét xử theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 14 ***Sửa đổi, bổ sung Các Điều Khoản Và Điều Kiện***

Khách Hàng đồng ý rằng, tại từng thời điểm, TCBS có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ các nội dung của Các Điều Khoản Và Điều Kiện liên quan đến bất kỳ dịch vụ nào do TCBS cung cấp (“**Các ĐKĐK Sửa Đổi**”). Khách Hàng xác nhận đồng ý và chấp thuận Các ĐKĐK Sửa Đổi đó với điều kiện là TCBS sẽ đưa ra thông báo về Các ĐKĐK Sửa Đổi cho Khách Hàng trước khi Các ĐKĐK Sửa Đổi đó có hiệu lực thông qua một hoặc các phương thức sau: (i) gửi thông báo tới TKGD; (ii) SMS/điện thoại có ghi âm; (iii) email; (iv) công bố trên website chính thức của TCBS; (v) công bố trên hệ thống giao

dịch của TCBS; hoặc (vi) bất kỳ phương thức nào khác theo quyết định của TCBS phù hợp với quy định pháp luật. Nếu Khách Hàng không đồng ý với Các ĐKĐK Sửa Đổi thì Khách Hàng phải thông báo cho TCBS bằng văn bản trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày thông báo của TCBS được gửi đi. Khi nhận được văn bản có ý kiến của Khách Hàng, TCBS và Khách Hàng sẽ cùng thảo luận trên tinh thần thiện chí để đạt được thỏa thuận chung. Trong trường hợp không thống nhất được ý kiến, Khách Hàng có quyền chấm dứt sử dụng các dịch vụ với TCBS và/hoặc đóng TKGD. Sau khi TCBS đã gửi thông báo về Các ĐKĐK Sửa Đổi mà Khách Hàng vẫn tiếp tục truy cập vào hệ thống giao dịch, TKGD hay thực hiện các giao dịch trên TKGD hoặc kết thúc thời hạn ba (03) ngày từ ngày thông báo của TCBS được gửi đi mà Khách Hàng không gửi cho TCBS bất kỳ văn bản có ý kiến/phản đối nào thì TCBS được hiểu rằng Khách Hàng đã chấp thuận toàn bộ Các ĐKĐK Sửa Đổi và Các ĐKĐK Sửa Đổi sẽ có hiệu lực ràng buộc Các Bên từ ngày có hiệu lực theo thông báo của TCBS.

Điều 15 Quy định về dữ liệu cá nhân

- 15.1. Bằng việc ký Hợp đồng kèm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ do TCBS cung cấp, Khách Hàng xác nhận rằng, Khách Hàng đã hiểu và đồng ý với “Thông báo Bảo mật và Riêng tư dữ liệu” được TCBS công bố trên website chính thức và có thể được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ. Thông báo này được coi là một phần không tách rời của Hợp Đồng bằng cách dẫn chiếu đến tại Điều 15.1 này.
- 15.2. Khách Hàng (với tư cách là chủ thể dữ liệu) đồng ý cung cấp và tiết lộ dữ liệu cá nhân của Khách Hàng cho TCBS và đồng ý cho TCBS chia sẻ cho đối tác và các bên thứ ba có liên quan nhằm mục đích thiết lập quan hệ và thực hiện các công việc/dịch vụ theo thỏa thuận tại Hợp Đồng. Khách Hàng cam kết chấp thuận và tuân thủ Điều này và toàn bộ các nội dung tại “Thông báo Bảo mật và Riêng tư dữ liệu” của TCBS trong từng thời kỳ.

Điều 16 Tạm khóa, phong tỏa, đóng TKGD

16.1. Tạm khóa TKGD

16.1.1. TKGD được tạm khóa (tạm dừng một phần hoặc toàn bộ giao dịch) trong các trường hợp sau:

- a. Khi có yêu cầu của Khách Hàng và được TCBS chấp thuận;
- b. Theo thỏa thuận TCBS và Khách Hàng;
- c. Theo quyết định của TCBS khi:
 - (i) TCBS nghi ngờ hoặc đánh giá rằng việc mở, sử dụng TKGD của Khách Hàng có dấu hiệu vi phạm quy định của TCBS và/ hoặc quy định pháp luật từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn (a) các hành vi gian lận trong việc mở TKGD (bao gồm nhưng không giới hạn: sử dụng Hồ Sơ Nhận Diện giả mạo/không chính chủ, mở thuê/mở hộ TKGD cho người khác sử dụng và/hoặc các trường hợp khác); (b) không cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ; không thực hiện bổ sung/thay đổi khi có thông tin sai sót, nhầm lẫn theo yêu cầu của TCBS; không hoàn thiện hợp đồng mở tài khoản; (c) các hành vi gian lận, che giấu, làm sai lệch các yếu tố sinh trắc học của KH trong quá trình mở TKGD bằng phương thức điện tử (bao gồm nhưng không giới hạn: sử dụng ảnh chụp khuôn mặt được chụp từ màn hình điện thoại, laptop, đeo kính râm, khẩu trang, đội mũ làm che các yếu tố sinh trắc học để nhận biết KH); và (d) có dấu hiệu cưỡng ép mở TKGD, cưỡng đoạt TKGD);
 - (ii) TCBS nghi ngờ và đánh giá rằng TKGD, các giao dịch trên TKGD của Khách Hàng có dấu hiệu/ tính chất gian lận, lừa đảo, đáng ngờ, chiếm đoạt, có dấu hiệu phạm tội, vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, vi phạm quy định của pháp luật chứng khoán, có nguy cơ phương hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của TCBS;
 - (iii) TCBS có cơ sở xác nhận rằng Khách Hàng đã mất năng lực hành vi dân sự hoặc đã mất.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của nội bộ TCBS hoặc pháp luật từng thời kỳ.

16.1.2. TKGD được chấm dứt tạm khóa trong các trường hợp sau:

- a. Theo yêu cầu của Khách Hàng và được TCBS chấp thuận;
- b. Theo thỏa thuận giữa Khách Hàng và TCBS;
- c. Khi TCBS kết thúc việc điều tra/xác minh đối với việc tạm khóa TKGD của Khách Hàng và xác định không có vi phạm trong trường hợp quy định tại Điều này;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của TCBS hoặc pháp luật từng thời kỳ.

16.2. Phong tỏa TKGD

16.2.1. TCBS được quyền phong tỏa TKGD (một phần hoặc toàn bộ số tài sản có trên TKGD) trong các trường hợp sau:

- a. Khi có quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- b. Khi TCBS phát hiện thấy có nhầm lẫn, sai sót đối với giao dịch trên TKGD. Số tiền bị phong tỏa trên TKGD không vượt quá số tiền bị nhầm lẫn, sai sót;
- c. Theo quyết định của TCBS trong các trường hợp TCBS nghi ngờ hoặc đánh giá việc mở và sử dụng TKGD của Khách Hàng có dấu hiệu vi phạm quy định tại Hợp Đồng, quy định pháp luật, quy định của TCBS;
- d. Khách Hàng có nghĩa vụ nợ, nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán và/hoặc nghĩa vụ hoàn trả với TCBS;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của TCBS và quy định của pháp luật từng thời kỳ;

Trường hợp TKGD bị phong tỏa một phần thì số tài sản không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

16.2.2. Việc phong tỏa TKGD chấm dứt khi:

- a. Kết thúc thời hạn phong tỏa;
- b. Đã xử lý xong sai sót, nhầm lẫn khi thực hiện giao dịch hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chấm dứt phong tỏa;
- c. TCBS đã trích đủ số tiền mà Khách hàng có nghĩa vụ hoàn trả TCBS theo Hợp Đồng;
- d. TCBS kết thúc việc điều tra/xác minh đối với việc phong tỏa TKGD của Khách Hàng và xác định không có vi phạm trong trường hợp quy định tại Điều này; và/hoặc
- e. Các trường hợp khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

16.3. Đóng tài khoản

16.3.1. TCBS có thể thực hiện đóng TKGD của Khách Hàng trong các trường hợp sau:

- a. Khách Hàng yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng sau khi đã hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan và được TCBS chấp thuận. Trường hợp Khách Hàng là người chưa đủ 15 tuổi, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự, người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì việc đóng tài khoản được thực hiện theo yêu cầu của người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của Khách Hàng. Để làm rõ, Khách Hàng không được đóng TKGD khi TKGD của Khách Hàng đang bị phong tỏa hoặc Khách Hàng chưa hoàn thành các nghĩa vụ nợ, các nghĩa vụ khác với TCBS.

- b. TCBS có thể chủ động thực hiện đóng TKGD của Khách Hàng trong các trường hợp sau:
- (i) Khách Hàng là cá nhân mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự (trừ trường hợp việc mở và sử dụng TKGD lần đầu do người giám hộ/người đại diện theo pháp luật thực hiện) hoặc chết/bị tuyên bố là đã chết, bị tuyên bố mất tích đồng thời đã hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan đến TCBS, bên thứ ba có liên quan;
 - (ii) Khách Hàng chưa thanh toán đầy đủ phí dịch vụ theo quy định;
 - (iii) Khách Hàng nằm trong danh sách đen gian lận, danh sách nghi ngờ gian lận theo quy định của TCBS trong từng thời kỳ;
 - (iv) Khách Hàng vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng này và/hoặc vi phạm pháp luật;
 - (v) TKGD không có giao dịch chủ động nào từ KH trong thời hạn theo quy định của TCBS từng thời kỳ;
 - (vi) TCBS phát hiện việc mở, sử dụng TKGD của Khách Hàng có dấu hiệu vi phạm quy định của TCBS hoặc quy định pháp luật từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn (a) các hành vi gian lận trong việc mở TKGD (sử dụng Hồ Sơ Nhận Diện giả mạo/không chính chủ, mở thuê/mở hộ TKGD cho người khác sử dụng, và/hoặc các trường hợp khác), (b) không cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ; không thực hiện bổ sung/thay đổi khi có thông tin sai sót, nhầm lẫn theo yêu cầu của TCBS; không hoàn thiện hợp đồng mở tài khoản, (c) các hành vi gian lận, che giấu, làm sai lệch các yếu tố sinh trắc học của KH trong quá trình mở TKGD bằng phương thức điện tử (bao gồm nhưng không giới hạn sử dụng ảnh chụp khuôn mặt được chụp từ màn hình điện thoại/ laptop, đeo kính râm, khẩu trang, đội mũ làm che các yếu tố sinh trắc học để nhận biết KH), (d) có dấu hiệu cưỡng ép mở TKGD, cưỡng đoạt TKGD);
 - (vii) TCBS phát hiện TKGD, các giao dịch trên TKGD của Khách Hàng có dấu hiệu/tính chất gian lận, lừa đảo, đáng ngờ, chiếm đoạt và/hoặc có dấu hiệu phạm tội, vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, vi phạm quy định của pháp luật chứng khoán, có nguy cơ phương hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của TCBS;
 - (viii) TKGD của Khách Hàng bị tạm khóa theo quy định tại Hợp Đồng này nhưng Khách Hàng không mở lại theo thời gian quy định của TCBS từng thời kỳ hoặc Khách Hàng không chứng minh được theo các yêu cầu của TCBS phục vụ việc xác minh của TCBS để xác định Khách Hàng không có vi phạm;
 - (ix) TCBS giải thể, phá sản, bị đình chỉ hoạt động, bị rút nghiệp vụ môi giới hoặc thu hồi giấy phép hoạt động.

16.3.2. Thủ tục đóng TKGD:

- a. Khi TCBS chủ động thực hiện đóng TKGD của Khách Hàng theo quy định tại Hợp Đồng, TCBS sẽ thông báo cho Khách Hàng bằng một trong các phương thức email, tin nhắn điện thoại, thông báo trên ứng dụng và niêm yết công khai tại trụ sở TCBS hoặc trên website của TCBS. TCBS đồng thời sẽ chấm dứt các dịch vụ kết nối với TKGD đó ngay tại thời điểm đóng TKGD.
- b. Khách Hàng thanh toán phí đóng TKGD theo quy định trong biểu phí của TCBS được niêm yết công khai tại quầy giao dịch hoặc trên website của TCBS và thực hiện các thủ tục đóng TKGD theo quy định của TCBS.
- c. Xử lý số dư còn lại trên TKGD sau khi đóng TKGD:
 - (i) Trả vào tài khoản ngân hàng thụ hưởng mà Khách Hàng đã đăng ký với TCBS; người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của Khách Hàng trong trường hợp Khách Hàng là người chưa đủ 15 tuổi, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự, người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người được thừa kế, đại diện thừa kế trong trường hợp Khách Hàng chết, bị tuyên bố là đã chết, mất tích, trừ trường hợp quy định tại Điều này;
 - (ii) Chi trả/ xử lý theo quyết định của Tòa án hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
 - (iii) Nếu TKGD còn số dư và Khách Hàng/người thụ hưởng hợp pháp số dư trên tài khoản chưa đến TCBS làm thủ tục thanh toán hoặc TCBS không thể thực hiện thanh toán được theo thông tin hiện có của Khách Hàng/người thụ hưởng hợp pháp, TCBS sẽ giữ hộ số dư của Khách Hàng/người thụ hưởng hợp pháp chờ thanh toán. TCBS sẽ chi trả toàn bộ số dư trên khi Khách Hàng/người thụ hưởng hợp pháp đến TCBS thực hiện thủ tục thanh toán theo quy định nội bộ của TCBS từng thời kỳ (sau khi trừ chi phí nếu có tùy theo yêu cầu về thanh toán của Khách Hàng, quy định của TCBS). Để làm rõ, số dư được TCBS giữ hộ trong trường hợp này không được tính lãi.

Điều 17 Các quy định khác

- 17.1. Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung điều chỉnh các vấn đề chung trong quan hệ giữa TCBS và Khách Hàng liên quan đến việc mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán, áp dụng cho tất cả các loại TKGD mà Khách Hàng mở tại TCBS và tất cả các dịch vụ mà TCBS cung cấp cho Khách Hàng tại từng thời điểm. Trong trường hợp có bất kỳ điều khoản nào của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung được xác định là không có hiệu lực pháp luật và không khả thi, những điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực và ràng buộc các Bên trong phạm vi pháp luật cho phép.
- 17.2. Khi Khách Hàng đăng ký sử dụng và TCBS chấp thuận cung cấp cho Khách Hàng từng loại dịch vụ cụ thể, thì Các Điều Khoản Và Điều Kiện của dịch vụ tương ứng sẽ được áp dụng cho việc cung cấp, sử dụng dịch vụ đó. Trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung này và Các Điều Khoản Và Điều Kiện của dịch vụ cụ thể về cùng một vấn đề thì quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện của dịch vụ cụ thể sẽ được ưu tiên áp dụng. Các nội dung không được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện dịch vụ cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung này và Hợp Đồng.
- 17.3. Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung và Các Điều Khoản Và Điều Kiện là một phần không tách rời và gắn liền với Hợp đồng kèm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở được giao kết giữa Khách Hàng và TCBS. Khách Hàng xác nhận và đồng ý rằng Các Điều Khoản Và Điều Kiện cùng với Hợp đồng kèm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở và các thỏa thuận, văn bản khác được ký kết giữa TCBS và Khách Hàng sẽ tạo thành một bộ hợp đồng hoàn chỉnh và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa Khách Hàng và TCBS.
- 17.4. Các Điều Khoản Và Điều Kiện (bao gồm toàn bộ các phần nằm trong và thuộc về tài liệu này) có hiệu lực ràng buộc giữa Khách Hàng và TCBS kể từ ngày Hợp đồng kèm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở được hai Bên ký kết. Bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của Các Điều Khoản Và Điều Kiện (nếu có) sẽ có hiệu lực thực theo thông báo của TCBS phù hợp với nguyên tắc được quy định tại Điều 14 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung này.

[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]

B. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Giao dịch điện tử sau đây (“**Các Điều Khoản Và Điều Kiện GDDT**”) được áp dụng cho tất cả các giao dịch được thực hiện bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống của TCBS. Khi đăng ký hoặc bắt đầu sử dụng dịch vụ giao dịch điện tử tại TCBS, Khách Hàng xác nhận rằng Khách Hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Khoản Và Điều Kiện được nêu dưới đây và đồng ý chịu ràng buộc bởi Các Điều Khoản Và Điều Kiện này và các bản sửa đổi, bổ sung do TCBS thực hiện tại từng thời điểm.

Điều 1 Giải thích từ ngữ

- 1.1. “**Chữ ký số**”: là một dạng chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Chữ ký số là giải pháp xác thực sử dụng chứng thư số (“**Chứng thư số**”) do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp cho Khách Hàng, cho phép Khách Hàng sử dụng chữ ký điện tử được tạo ra trên cơ sở chứng thư số tương ứng để thực hiện giao dịch điện tử trên Hệ thống của TCBS.
- 1.2. “**Dịch vụ giao dịch điện tử**”: là các dịch vụ do TCBS cung cấp cho Khách Hàng tùy từng thời điểm để Khách Hàng thực hiện các Giao dịch điện tử. Tùy từng thời kỳ, TCBS có quyền thay đổi, bổ sung hoặc rút bớt các Dịch vụ giao dịch điện tử mà TCBS triển khai trên cơ sở thông báo công khai cho Khách Hàng thông qua website của TCBS.
- 1.3. “**Dấu hiệu sinh trắc học**”: là những thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học riêng của mỗi cá nhân như vân tay, nhiệt độ, mạch máu, mống mắt, khuôn mặt... để nhận diện, xác thực Khách Hàng khi truy cập vào Hệ thống của TCBS.
- 1.4. “**Giao dịch điện tử**”: là hoạt động đăng ký và thực hiện (các) giao dịch chứng khoán trực tuyến của Khách Hàng tại TCBS, bao gồm (i) thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán, tiền, đăng ký sử dụng dịch vụ, gửi Lệnh điện tử (như được định nghĩa dưới đây) và thực hiện các giao dịch khác trên TKGD của Khách Hàng mở tại TCBS mà các giao dịch đó (1) được thực hiện phù hợp với các quy định và các dịch vụ do TCBS ban hành; và (2) được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm cả điện thoại, fax, internet, tin nhắn SMS, email, web-chat hoặc các phương tiện điện tử khác; (ii) chấp thuận, phê duyệt, cho phép, đồng ý hoặc tương đương do Khách Hàng lập và gửi qua Hệ thống của TCBS, từ số điện thoại hoặc từ thư điện tử (email) Khách Hàng đã đăng ký với TCBS (“**Số điện thoại**”) hoặc “**Thư điện tử**”) của Khách Hàng đã đăng ký với TCBS theo quy trình của TCBS (“**Chấp thuận điện tử**”); và (iii) nhận các thông tin liên lạc, thông báo, báo cáo danh mục, báo cáo đầu tư, báo cáo phân tích, báo cáo thuộc loại khác, sao kê tài khoản, sao kê giao dịch, bản công bố thông tin, bản cáo bạch, tuyên bố và thông điệp thuộc loại khác dưới dạng thông điệp dữ liệu (điện tử) được gửi qua Hệ thống của TCBS, qua điện thoại hoặc tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và/hoặc qua Thư điện tử (“**Thông điệp dữ liệu**”).
- 1.5. “**Giải pháp xác thực hai yếu tố**” là giải pháp xác thực hai yếu tố do TCBS cung cấp tại từng thời điểm để xác thực danh tính của Khách Hàng khi thực hiện Giao dịch điện tử dựa trên những thông tin mà Khách Hàng biết cùng với những thông tin mà Khách Hàng có.
- 1.6. “**Giải pháp xác thực iOTP**”: Là một Giải pháp xác thực hai yếu tố bằng Soft OTP được tạo ra từ Hệ thống của TCBS.
- 1.7. “**Hệ thống của TCBS**” là hệ thống giao dịch điện tử mà TCBS triển khai sử dụng tại từng thời điểm nhằm phục vụ quản lý và thực hiện hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến và gửi/nhận Thông điệp dữ liệu cho Khách Hàng, bao gồm nhưng không giới hạn ở hệ thống mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính, điện thoại, fax, email, trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu khác, Webtrade, Tổng đài giao dịch và Ứng dụng điện tử theo định nghĩa dưới đây.
- 1.8. “**Hợp đồng điện tử**”: Là hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, bản ghi nhớ, phụ lục hợp đồng hoặc tương đương được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử và được ký, ký kết và chuyển giao thông qua Hệ thống của TCBS (trừ Tổng đài giao dịch), trong đó bao gồm cả chính Hợp đồng kèm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở và Các Điều Khoản Và Điều Kiện GDDT này.
- 1.9. “**iOTP**”: Là một Mật khẩu bảo mật được tạo ra từ Hệ thống của TCBS. iOTP là một trong các yếu tố bảo mật thuộc Giải pháp xác thực hai yếu tố, được sử dụng để xác thực Khách Hàng, xác thực chỉ thị của Khách Hàng khi thực hiện các Giao dịch điện tử và gửi truyền Thông điệp dữ liệu.
- 1.10. “**Lệnh điện tử**” là lệnh do Khách Hàng lập gửi qua Hệ thống của TCBS. Lệnh điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách Hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch (có ghi âm). Lệnh điện tử có thể được thể hiện qua một thao tác hoặc chuỗi thao tác trên Hệ thống của TCBS (ví dụ lệnh chuyển tiền có thể được thiết lập trên cơ sở thao tác chuyển tiền trên TKGD).
- 1.11. “**Mã mở khóa**”: Là một Mật khẩu được cấp cho Khách Hàng hoặc Khách Hàng tạo, chọn hay đăng ký sử dụng để được Hệ thống của TCBS cung cấp Mật khẩu bảo mật từng lần.
- 1.12. “**Mật khẩu bảo mật**”: là mật khẩu sử dụng một lần (OTP: one-time-password) (bao gồm cả iOTP) để Khách Hàng thực hiện các Giao dịch điện tử, chỉ có hiệu lực duy nhất đối với một giao dịch tại một thời điểm nhất định của một Khách Hàng cụ thể, và sẽ hết hiệu lực sau một thời gian xác định. Mật khẩu bảo mật được cung cấp cho Khách Hàng qua tin nhắn SMS, thẻ thông minh, thiết bị token, điện thoại di động hoặc được tạo ra từ Ứng dụng điện tử bằng cách yêu cầu Khách Hàng sử dụng Mã mở khóa và các hình thức hợp lệ khác mà TCBS cung cấp.
- 1.13. “**Mật khẩu đăng nhập**”: là mã số bí mật được Khách Hàng tự thiết lập hoặc hệ thống gửi đến số điện thoại di động của Khách Hàng qua hình thức tin nhắn (SMS) khi Khách Hàng đăng ký mở TKGD thành công, được dùng để nhận diện, xác định Khách Hàng khi truy cập vào Hệ thống của TCBS.
- 1.14. “**Tên đăng nhập**”: là dãy ký tự do TCBS cung cấp khi Khách Hàng đăng ký mở TKGD thành công và được dùng để nhận diện, xác thực Khách Hàng khi truy cập vào Hệ thống của TCBS.
- 1.15. “**Tổng đài giao dịch**”: là hệ thống tổng đài điện thoại có chức năng ghi âm, quản lý, tra cứu cuộc gọi và có dự phòng của TCBS.
- 1.16. “**Ứng dụng điện tử**”: là ứng dụng (application), phần mềm (software) do TCBS sở hữu hoặc được cấp quyền sử dụng và phát hành trên website của TCBS, Google Play Store, App Store hoặc kho ứng dụng/phần mềm khác để Khách Hàng tải về và cài đặt trên điện thoại, máy tính (computer) hay thiết bị điện tử khác nhằm truy cập vào TKGD và thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet.
- 1.17. “**Webtrade**”: Là phần của trang thông tin điện tử của TCBS mà Khách Hàng có thể truy cập vào TKGD để thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống.
- 1.18. “**Xác thực truy cập**”: Là hình thức xác thực mà Khách Hàng đồng ý sử dụng làm giải pháp xác thực áp dụng trong việc thực hiện Giao dịch điện tử của Khách Hàng tại TCBS. Xác thực truy cập mà Khách Hàng có quyền sử dụng bao gồm **Giải pháp xác thực hai yếu tố** và/hoặc **Chữ ký số** như được định nghĩa dưới đây.

Các thuật ngữ khác được định nghĩa tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.

Điều 2 Sử dụng Hệ thống của TCBS, giao kết Hợp đồng điện tử và gửi Lệnh/Chấp thuận điện tử

- 2.1. Khi tải và cài đặt Ứng dụng điện tử, Webtrade, gọi đến Tổng đài giao dịch hay sử dụng hệ thống khác thuộc Hệ thống của TCBS, Khách Hàng chấp nhận rằng:
 - 2.1.1. Việc sử dụng ứng dụng, phần mềm hay hệ thống đó như là một phần của Hệ thống của TCBS cho các mục đích được phép phù hợp với nguyên tắc quy định trong Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Giao dịch điện tử này;
 - 2.1.2. Khi Khách Hàng lựa chọn bất kỳ phím/nút chức năng trên Hệ thống của TCBS, Khách Hàng được coi là đã thể hiện ý chí của mình theo nội dung hiển thị trên phím/nút đó và chấp nhận sự ràng buộc bởi lựa chọn đó. Ví dụ, nếu Khách Hàng lựa chọn phím “Đồng ý” (hay “Agree”), “Ký” (hay “Sign”) hoặc “Xác nhận” (hay “Confirm”) ngay bên dưới một Hợp đồng điện tử thì Khách Hàng được coi là đã ký kết Hợp đồng điện tử đó. Khách Hàng cũng bị ràng buộc bởi bất kỳ thao tác nào khác mà Khách Hàng thực hiện trên Hệ thống của TCBS, kể cả đặt/gửi Lệnh điện tử bằng cách gọi điện đến Tổng đài giao dịch; và
 - 2.1.3. Khách Hàng đồng ý với nguyên tắc giao kết, thực hiện và duy trì Hợp đồng điện tử quy định tại Điều 2 này.

- 2.2. TCBS sẽ sử dụng Hệ thống của TCBS để thu thập bản chụp, chiếu, ghi âm, ghi hình của dữ liệu, thông tin, giấy tờ cá nhân/pháp nhân, hình ảnh và thông tin khác của Khách Hàng mà TCBS cho là cần thiết (sau đây gọi chung là “thông tin nhận biết Khách Hàng”) để định danh Khách Hàng trước khi giao kết Hợp đồng điện tử và cung cấp Dịch vụ giao dịch điện tử. Để làm rõ (i) Khách Hàng cần tự đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính toàn vẹn, trung thực, chính xác và còn hiệu lực của thông tin nhận biết Khách Hàng được cung cấp thông qua Hệ thống của TCBS, chủ động cập nhật thông tin mới có hiệu lực khi thông tin hoặc giấy tờ chứa đựng thông tin hết hiệu lực/bị hủy bỏ; (ii) thông tin nhận biết Khách Hàng được thu thập theo cách thức như vậy có giá trị tương đương với thông tin được cung cấp trực tiếp tại quầy cho TCBS; và (iii) mặc dù có (các) quy định vừa nêu, TCBS tại bất kỳ thời điểm nào cũng có thể tạm ngừng hoặc chấm dứt cung cấp Dịch vụ giao dịch điện tử cho Khách Hàng nếu nhận được thông tin, nghi ngờ, phát hiện dấu hiệu hoặc có cơ sở rõ ràng để nhận định rằng thông tin nhận biết Khách Hàng đã hết hiệu lực áp dụng, có dấu hiệu bị giả mạo, không trung thực hoặc không chính xác.
- 2.3. Mọi Thông điệp dữ liệu từ TCBS hoặc từ tổ chức/cá nhân khác thông qua TCBS sẽ được coi là gửi hợp lệ cho Khách Hàng nếu được gửi (i) qua Hệ thống của TCBS đến TKGD của Khách Hàng; hoặc (ii) qua Thư điện tử có địa chỉ Khách Hàng đã đăng ký với TCBS; hoặc (iii) bằng cách gọi đến Số điện thoại Khách Hàng đã đăng ký với TCBS (có ghi âm). Mật khẩu mà TCBS cấp cho Khách Hàng để thực hiện Thao tác/giao dịch trên hệ thống cũng có thể được gửi cho Khách Hàng theo một trong các phương thức trên.
- 2.4. Hợp đồng điện tử có thể được ký kết trên Hệ thống của TCBS theo các thao tác ghi trên đó và phù hợp với quy định tại Điều 2 này. Hợp đồng điện tử có thể được ký bằng Chữ ký số của một bên và Hợp đồng điện tử đã ký bằng Chữ ký số được coi là được chuyển giao hợp lệ nếu được gửi theo một trong các phương thức quy định tại Điều 2.2 trên đây.
- 2.5. Việc ký kết Hợp đồng điện tử có thể theo một trong các hình thức sau:
- 2.5.1 Ký kết toàn văn: Toàn văn Hợp đồng điện tử được hiển thị trên Hệ thống của TCBS và mỗi bên ký bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống của TCBS;
- 2.5.2 Ký chấp nhận: Một bên gửi đề nghị giao kết hợp đồng và bên kia ký chấp nhận giao kết hợp đồng cũng bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống của TCBS hoặc bằng việc không phản đối đề nghị giao kết trong thời hạn nêu tại đề nghị giao kết; hoặc
- 2.5.3 Hình thức khác được các bên thỏa thuận hoặc có sẵn trên Hệ thống của TCBS.
- 2.6. Hợp đồng điện tử có thể được các Bên ký kết theo một trong các phương thức sau:
- 2.6.1 Ký bằng Chữ ký số hoặc chữ ký điện tử loại khác theo pháp luật về giao dịch điện tử; hoặc
- 2.6.2 Ký bằng phương thức giao dịch điện tử khác, bao gồm cả sử dụng Giải pháp xác thực hai yếu tố do TCBS cung cấp qua Hệ thống của TCBS.
- Trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, Hợp đồng điện tử có thể được một bên ký kết theo một phương thức và bên hoặc các bên còn lại ký theo một hoặc nhiều phương thức khác trong số các phương thức nêu trên hoặc ký tay bằng văn bản giấy theo phương thức truyền thống. Bằng việc ký/xác nhận Hợp đồng kiêm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở bằng một trong các phương thức quy định tại Điều này, Khách Hàng đồng ý và xác nhận rằng toàn bộ (các) Hợp đồng điện tử và các hồ sơ giao dịch liên quan được tạo lập thông qua các hình thức quy định tại Điều này là các chứng từ có giá trị là bản gốc và có đầy đủ tính pháp lý ràng buộc trách nhiệm của Các Bên.
- 2.7. Việc gửi/chấp nhận Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử của Khách Hàng qua Hệ thống của TCBS được thực hiện theo một trong các hình thức tại Điều 2.5 và được xác thực bằng một trong các phương thức nêu tại Điều 2.6.
- 2.8. Trong trường hợp Hợp đồng điện tử và/hoặc Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử được ký/xác thực bằng Chữ ký số của Khách Hàng, Khách Hàng chấp thuận không hủy ngang rằng:
- 2.8.1 Khách Hàng đồng ý để TCBS thu thập thông tin nhận biết Khách Hàng và mọi thông tin, dữ liệu cần thiết khác của Khách Hàng trong từng thời điểm để chia sẻ, phối kết hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số để thực hiện xác thực danh tính Khách Hàng, thông tin chứng thư số của Khách Hàng (nếu Khách Hàng đã có sẵn Chứng thư số được phép áp dụng), cung cấp chứng thư số cho Khách Hàng (nếu Khách Hàng chưa có Chứng thư số và bằng Hợp đồng này, đồng ý sử dụng dịch vụ cấp Chứng thư số từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số mà TCBS lựa chọn) để khởi tạo và áp dụng Chữ ký số cho việc ký kết Hợp đồng điện tử/ Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử;
- 2.8.2 Trừ khi được TCBS quy định khác đi, Khách Hàng sẽ chi trả mọi khoản phí và chi phí có liên quan đến việc được cấp và/hoặc sử dụng Chữ ký số, ký kết các văn kiện, thỏa thuận có liên quan đến việc tạo lập và sử dụng Chữ ký số với bên thứ ba cung cấp dịch vụ có liên quan (trên Hệ thống của TCBS hoặc trên nền tảng của bên thứ ba đó) và thực hiện các thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của TCBS/bên thứ ba có liên quan để hoàn tất việc ký kết/gửi hợp đồng/Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử.
- 2.9. Trường hợp Khách Hàng đã ký Hợp đồng điện tử bằng phương thức khác không phải là Chữ ký số nhưng vì mục đích quản trị rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch điện tử có liên quan, trong từng thời kỳ, TCBS có thể yêu cầu Khách Hàng đăng ký bổ sung chứng thư số và sử dụng Chữ ký số để ký kết bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (các) Hợp đồng điện tử đã giao kết trước khi tiếp tục sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử mà không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của (các) hợp đồng và giao dịch đã được giao kết trước thời điểm ký lại/ký mới đó.
- 2.10. Trường hợp Hợp đồng điện tử/Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử được ký/gửi bằng Giải pháp xác thực hai yếu tố:
- 2.10.1 TCBS sẽ áp dụng giải pháp xác thực có độ an toàn tối thiểu tương đương giải pháp xác thực hai yếu tố trở lên. Giải pháp xác thực cụ thể được áp dụng sẽ phụ thuộc vào lựa chọn đăng ký của Khách Hàng hoặc do TCBS ấn định trong từng thời kỳ;
- 2.10.2 Hợp đồng điện tử/Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử chỉ được coi là giao kết/ký/gửi đi bởi Khách Hàng một khi đã được Khách Hàng ký kết/xác thực và tất cả thông tin do Khách Hàng cung cấp theo giải pháp xác thực nêu trên đã được so khớp với thông tin Khách Hàng đã đăng ký và lưu trong Hệ thống của TCBS hoặc thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống của TCBS (áp dụng đối với thông tin xác thực là thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống của TCBS và gửi cho Khách Hàng như Mật khẩu bảo mật, Mã mở khóa);
- 2.10.3 Khách Hàng tự chịu trách nhiệm về việc bảo mật Mã mở khóa, thông tin Số điện thoại Khách Hàng đăng ký và sử dụng để nhận Mật khẩu bảo mật từ TCBS và sử dụng Mật khẩu bảo mật này để nhập và xác thực việc ký kết Hợp đồng điện tử với TCBS theo hướng dẫn trên Hệ thống của TCBS tại thời điểm ký kết.
- 2.11. Thời điểm việc ký kết Hợp đồng điện tử được hoàn tất sẽ là thời điểm ghi nhận trên Hệ thống của TCBS hoặc theo thông báo khác của TCBS. Hợp đồng điện tử được ký kết theo Khoản 6 Điều 2 này có giá trị pháp lý đầy đủ và ràng buộc các bên ký kết như một hợp đồng, thỏa thuận được ký kết theo phương thức ký trực tiếp truyền thống. Giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.
- 2.12. Bằng việc Khách Hàng ký kết Hợp đồng kiêm đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở và mở TKGD, Khách Hàng đề nghị và TCBS đồng ý cung cấp quyền sử dụng tất cả các Dịch vụ giao dịch điện tử TCBS đang hoặc sẽ triển khai. Khách Hàng khi thực hiện bất kỳ giao dịch nào theo phương thức Giao dịch điện tử phải tuân thủ các điều kiện sau:
- 2.12.1 Khách Hàng chỉ sử dụng được Dịch vụ giao dịch điện tử tại TCBS sau khi đã cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để TCBS kích hoạt các Dịch vụ giao dịch điện tử trên TKGD của Khách Hàng.
- 2.12.2 Khách Hàng sử dụng Tên đăng nhập và Mật khẩu đăng nhập đã đăng ký (hoặc được cấp) và/hoặc dấu hiệu sinh trắc học để đăng nhập vào Hệ thống của TCBS. Đối với các Giao dịch điện tử, tùy thuộc vào loại giao dịch mà TCBS sẽ yêu cầu Khách Hàng sử dụng giải pháp xác thực phù hợp để thực hiện giao dịch.
- 2.13. Trường hợp Khách Hàng sử dụng Giải pháp xác thực iOTP để xác thực Giao dịch điện tử:
- 2.13.1 Khách Hàng phải hoàn tất tải Ứng dụng điện tử về điện thoại/máy tính bảng mà Khách Hàng đã đăng ký với TCBS; chấp nhận và ký kết Các Điều khoản, Điều kiện này; tạo Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mã mở khóa. Chi tiết các bước cài đặt, kích hoạt thực hiện theo hướng dẫn của TCBS từng thời kỳ;

- 2.13.2 Trừ khi được TCBS quy định khác đi, Khách Hàng sẽ đăng ký một thiết bị điện tử do mình sử dụng để nhận Mật khẩu bảo mật (Soft OTP) (“*Thiết bị đăng ký*”). Tại một thời điểm, Khách Hàng chỉ sử dụng một Thiết bị đăng ký duy nhất để nhận Mật khẩu bảo mật. Trường hợp Người dùng đăng ký thay đổi Thiết bị đăng ký sang Thiết bị mới thì việc đăng ký Mật khẩu bảo mật trên Thiết bị cũ sẽ tự động bị vô hiệu hoá và Khách Hàng chỉ có thể sử dụng Giải pháp xác thực iOTP trên Thiết bị mới;
- 2.13.3 Để xác thực được Giao dịch điện tử, Khách Hàng sẽ nhập Mã mở khóa và Ứng dụng điện tử sẽ tự động tạo ra một Mật khẩu bảo mật trên Thiết bị đăng ký được tạo kết hợp với mã của giao dịch tương ứng phù hợp với quy định về giải pháp xác thực giao dịch của TCBS và pháp luật. Khách Hàng nhập mã này trên giao diện Ứng dụng điện tử để hoàn tất Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử. Để thuận tiện cho Khách Hàng, TCBS có thể cho phép Khách Hàng sử dụng Dấu hiệu sinh trắc học phù hợp để thay thế cho việc nhập Mã mở khóa và có thể cung cấp giải pháp nhằm tự động nhập Mật khẩu bảo mật sau khi Khách Hàng nhập Mã mở khóa/Dấu hiệu sinh trắc học nhưng Mật khẩu bảo mật vẫn sẽ được gửi tới cho Khách Hàng trong mọi trường hợp.
- 2.13.4 Thời gian hiệu lực của mỗi Mật khẩu bảo mật theo quy định của TCBS trong từng thời kỳ.

Tùy thuộc vào quy định của TCBS trong từng thời kỳ và trong phạm vi pháp luật cho phép, Giải pháp xác thực iOTP cũng có thể được sử dụng để giao kết Hợp đồng điện tử hoặc văn kiện, hợp đồng giữa Khách Hàng với bên thứ ba được phép khác trên/thông qua Hệ thống của TCBS nếu được TCBS và Khách Hàng chấp thuận với các điều kiện và nguyên tắc như được quy định tại Điều này.

2.14. Các quy định khác về đặt Lệnh điện tử và gửi Chấp thuận điện tử:

- 2.14.1 Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử chỉ có giá trị nếu có đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và TCBS.
- 2.14.2 Khách Hàng đồng ý rằng việc gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử có thể cấu thành giao kết Hợp đồng điện tử với TCBS hay đối tác có liên quan.
- 2.14.3 Khách Hàng đồng ý rõ ràng rằng khi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt, gửi và chuyển cho TCBS phù hợp với Điều 2 này:
- Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó có giá trị pháp lý và ràng buộc đầy đủ đối với Khách Hàng;
 - TCBS được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (Khách Hàng ủy quyền cho TCBS toàn quyền thực hiện toàn bộ các giao dịch cần thiết, lập, ký thay các hợp đồng, thỏa thuận, phiếu lệnh hoặc các hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác có liên quan trên TKGD của Khách Hàng nhằm hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử nêu trên);
 - Nếu TCBS nhận được bất kỳ phiếu lệnh hay văn bản nào từ Khách Hàng theo phương thức khác (ví dụ nộp trực tiếp) mà có nội dung khác với Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đã được gửi trước đó thì TCBS vẫn được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử trừ khi TCBS và Khách Hàng đã thông nhất được việc hủy Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó; và
 - TCBS không phải chịu trách nhiệm với Khách Hàng về bất kỳ hành động hay không hành động nào mà TCBS thực hiện theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (kể cả hành động chuyển tiền, bán chứng khoán mà TCBS tiến hành dựa trên Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó).

Điều 3 Quyền và nghĩa vụ của Khách Hàng

- 3.1. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết theo yêu cầu của TCBS và của pháp luật khi mở TKGD và trong suốt quá trình sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử. Tuân thủ hướng dẫn và quy định của TCBS, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử nói chung và giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng.
- 3.2. Khách Hàng xác nhận đã được tạo mọi điều kiện và đã nghiên cứu đầy đủ, chính xác nội dung hướng dẫn của TCBS về việc sử dụng các Dịch vụ giao dịch điện tử, ý thức được đầy đủ các rủi ro có thể phát sinh như quy định tại Điều 6 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Giao dịch điện tử này.
- 3.3. Giao dịch điện tử của Khách Hàng thực hiện được ghi nhận bằng hệ thống của TCBS. Khách Hàng có trách nhiệm kiểm tra lại trạng thái lệnh đặt của mình đã được nhập vào hệ thống của TCBS hay chưa thông qua Hệ thống của TCBS hoặc nhân viên nhận lệnh.
- 3.4. Chịu trách nhiệm bảo mật Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, Dấu hiệu sinh trắc học, Mã mở khóa, thông tin Chứng thư số và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) và thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết ở mức độ cao nhất nhằm phòng chống việc sử dụng trái phép Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, Dấu hiệu sinh trắc học, Mã mở khóa, Chứng thư số và các yếu tố nhận dạng/xác thực/bảo mật khác (nếu có). Mọi yêu cầu về giao dịch và hỗ trợ phát sinh bằng việc truy cập từ Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, Dấu hiệu sinh trắc học và các yếu tố khác như vậy (nếu có) của Khách Hàng gửi đến TCBS được hiểu là yêu cầu của chính Khách Hàng thực hiện. Cho mục đích này, Khách Hàng hiểu và xác nhận rằng TCBS có quyền tin rằng Khách Hàng không bao giờ tiết lộ dưới bất kỳ hình thức nào dù vô tình hay cố ý cho bất kỳ ai tại bất kỳ nơi nào và vào bất kỳ thời điểm nào, các thông tin về: Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, Dấu hiệu sinh trắc học và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử.
- 3.5. Khách Hàng không được sử dụng hoặc cung cấp Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, Dấu hiệu sinh trắc học, Mã mở khóa, thông tin Chứng thư số các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) và các thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ này cho người khác vào các mục đích gây tổn hại cho Hệ thống của TCBS. Nếu phát hiện ra, TCBS có quyền đơn phương dừng cung cấp dịch vụ và chuyển hồ sơ cho các cơ quan pháp luật xử lý theo quy định pháp luật.
- 3.6. Khách Hàng đồng ý và chấp nhận việc TCBS được tự động trích nợ TKGD của Khách Hàng để thanh toán phí dịch vụ và/hoặc chi phí khác theo quy định của TCBS liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử và/hoặc thực hiện Giao dịch điện tử của Khách Hàng.
- 3.7. Trong mọi trường hợp, Khách Hàng phải chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ thanh toán đối với tất cả các giao dịch đã được thực hiện bằng Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) của Khách Hàng và các Hợp đồng, giao dịch điện tử đã được ký/xác thực bằng Giải pháp xác thực hai yếu tố hoặc Chữ ký số của Khách Hàng mà không được, vì bất cứ lý do gì, hủy, phủ nhận, từ chối, thay đổi, thoái thác giao dịch sau khi các giao dịch này đã được TCBS duyệt và/hoặc thực hiện. Đặc biệt, Khách Hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm ngay cả đối với các lệnh được đặt do lỗi đánh máy, do nhầm lẫn thông tin sai, các lệnh vượt quá các giới hạn giao dịch v.v. TCBS xác nhận nội dung thông tin trên các lệnh giao dịch mà TCBS nhận được là đúng, chính xác và do chính Khách Hàng thực hiện và TCBS không có nghĩa vụ kiểm tra, phát hiện, chỉnh sửa, ngăn chặn, cảnh báo đối với bất kỳ lệnh nào bằng bất kỳ cách nào.
- 3.8. Khách Hàng cam kết không lợi dụng việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử do TCBS cung cấp để thực hiện các giao dịch trái pháp luật. Khách Hàng không được phát tán virus, sử dụng hay phát tán phần mềm độc hại hay thực hiện hoặc tiếp tay thực hiện bất kỳ hành vi nào phá hoại Hệ thống của TCBS.
- 3.9. Thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho TCBS khi phát hiện hoặc nghi ngờ việc truy cập trái phép dịch vụ được TCBS cung cấp cho Khách Hàng; hoặc nghi ngờ có người biết mật khẩu của Khách Hàng theo số điện thoại đường dây nóng của TCBS tại từng thời điểm. Khách Hàng phải xác nhận lại thông báo của mình bằng văn bản gửi cho TCBS (nếu trước đó thông báo bằng các hình thức khác).
- 3.10. Khách Hàng có trách nhiệm đăng ký địa chỉ, số điện thoại/email/fax, Thiết bị đăng ký hoặc các phương tiện liên lạc khác để TCBS gửi các Thông điệp dữ liệu, thông tin về số dư tiền/chứng khoán và các thông tin khác liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ cho Khách Hàng mà TCBS thấy cần thiết (sau đây gọi tắt là “*Thông báo từ TCBS*”). Trường hợp có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, Thiết bị đăng ký và các phương tiện liên lạc đã đăng ký với TCBS thì Khách Hàng có trách nhiệm đăng ký lại với TCBS. TCBS không chịu trách nhiệm trong trường hợp Khách Hàng không nhận được các Thông báo từ TCBS và các hậu quả kèm theo mà nguyên nhân là do Khách Hàng không kiểm tra hoặc không thể kiểm tra Thông báo từ TCBS gửi đến hoặc qua các phương tiện đã đăng ký và/hoặc do Khách Hàng không đăng ký lại thông tin liên hệ với TCBS như quy định tại điều khoản này.
- 3.11. Thanh toán các khoản phí sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử cho TCBS, bao gồm phí SMS, phí mua thiết bị xác thực (nếu có), các loại phí liên quan đến từng Dịch vụ giao dịch điện tử theo quy định của TCBS tùy từng thời kỳ. Có nghĩa vụ nộp thuế (nếu có) đối với các Dịch vụ giao dịch điện tử mà Khách Hàng sử dụng.
- 3.12. Khách Hàng đảm bảo và cam kết rằng Chữ ký số mình sử dụng để giao kết thỏa thuận, hợp đồng và giao dịch trên Hệ thống giao dịch của TCBS là có đầy đủ hiệu lực trong việc xác nhận ý chí của Khách Hàng đối với thỏa thuận, hợp đồng và giao dịch đó. Đối với Khách Hàng là tổ chức, Khách Hàng tự xác định văn bản/văn kiện/Thông điệp dữ liệu được Khách Hàng ký kết có cần được đóng dấu của tổ chức hay không. Trường hợp văn bản cần phải được đóng dấu tổ chức,

Khách Hàng phải thông báo cho TCBS và sử dụng đồng thời Chữ ký số tổ chức và Chữ ký số cá nhân của người đại diện hợp pháp của Khách Hàng để giao kết trên thỏa thuận, hợp đồng và giao dịch có liên quan. Trường hợp Khách Hàng chỉ sử dụng Chữ ký số cá nhân của người đại diện hợp pháp của Khách Hàng hoặc Chữ ký số tổ chức thì (i) TCBS được quyền mặc nhiên hiểu rằng Khách Hàng sử dụng một Chữ ký số như vậy là hợp lệ, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, điều lệ và quy định nội bộ của Khách Hàng; và (ii) bất kỳ thỏa thuận, hợp đồng, văn kiện, Thông Điện Dữ Liệu hoặc Chấp Thuận Điện Tử nào được ký/ký kết với chỉ một loại Chữ ký số như vậy sẽ có hiệu lực như thể được ký bằng cả Chữ ký số của cá nhân và Chữ ký số của doanh nghiệp/tổ chức.

Điều 4 ***Quyền và nghĩa vụ của TCBS***

- 4.1. Cung cấp Dịch vụ giao dịch điện tử một cách tốt nhất và cố gắng giảm thiểu các rủi ro có thể gặp phải về kỹ thuật cho Khách Hàng.
- 4.2. Yêu cầu Khách Hàng nghiên cứu kỹ và tuân thủ các hướng dẫn sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử.
- 4.3. TCBS có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) kiểm tra độ tin cậy của lệnh giao dịch và người đặt lệnh, mật khẩu giao dịch và mã xác thực và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có).
- 4.4. Chủ động trích chuyển các khoản tiền từ TKGD của Khách Hàng phù hợp với quy định tại Điều 3.6 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Giao dịch điện tử.
- 4.5. TCBS có quyền tạm ngừng/chấm dứt/từ chối việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử của Khách Hàng phù hợp với Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Dịch vụ giao dịch điện tử hoặc theo yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 4.6. Phong tỏa trên TKGD của Khách Hàng số tiền/chứng khoán mà hai bên tranh chấp và khấu trừ bất kỳ khoản tiền/trách nhiệm/chi phí nào mà theo phán quyết của tòa án có thẩm quyền Khách Hàng phải trả cho TCBS.
- 4.7. TCBS không chịu bất cứ trách nhiệm gì đối với những giao dịch không thực hiện được hay bất cứ thiệt hại nào trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi việc (i) Khách Hàng không thực hiện đúng những nội dung trong các hướng dẫn sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử và các quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Giao dịch điện tử này; hoặc (ii) Khách Hàng tự mình để lọt, lộ, mất hoặc bị một bên thứ ba không phải TCBS lừa đảo/lấy cắp/lợi dụng/chiếm quyền sử dụng Thiết bị đăng ký. Giấy tờ định danh có thông tin nhận biết Khách Hàng hoặc các thông tin khác quy định tại Điều 3.5 trên đây hoặc Khách Hàng bị giả mạo danh tính mà không do lỗi của TCBS.
- 4.8. TCBS không chịu trách nhiệm trong các trường hợp sau:
 - 4.8.1. Bất cứ giao dịch nào thực hiện ngoài ý muốn của Khách Hàng do Khách Hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch mà mình đã đăng ký với TCBS;
 - 4.8.2. Bất kỳ khiếu nại nào của Khách Hàng về việc giao dịch được thực hiện dưới Tên đăng nhập của Khách Hàng không phải do chính Khách Hàng thực hiện;
 - 4.8.3. Giao dịch của Khách Hàng bị cản trở, chậm trễ, sai sót, không thể thực hiện gây ra bởi hoặc có liên quan đến việc:
 - a. Hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin của TCBS gặp sự cố kỹ thuật;
 - b. Hệ thống thông tin hiện tại giữa TCBS và Khách Hàng đang bị lỗi;
 - c. Hệ thống thông tin hiện tại giữa TCBS và Sở Giao Dịch Chứng Khoán bị lỗi chưa khắc phục được trong phiên giao dịch;
 - d. TCBS xét thấy cần kiểm tra tính hợp lệ của việc đặt lệnh và người đặt lệnh;
 - e. Lệnh giao dịch không hợp lệ;
 - f. Theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - g. Các lý do bất khả kháng như phá hoại, động đất, cháy nổ, thiên tai, đứt nghẽn mạng, mất điện, hành vi phá hoại từ bên ngoài (bao gồm cả virus, phần mềm độc hại và các yếu tố khách quan không thể chi phối được khác).
 - 4.8.4. Bất kỳ khiếu nại, yêu cầu bồi thường nào của Khách Hàng về thiệt hại gây ra bởi bất kỳ nguyên nhân nào ngoài tầm kiểm soát của TCBS, bao gồm nhưng không giới hạn trong chiến tranh, sự thay đổi về luật pháp hoặc lệnh, yêu cầu, quy định của cơ quan Nhà nước, hòa hoãn, thiên tai, trục trặc của các thiết bị cơ khí hoặc điện tử hoặc hệ thống hạ tầng công cộng, do lỗi của các bên thứ ba cung cấp dịch vụ Internet, điện thoại hoặc viễn thông.
- 4.9. Từ chối việc thực hiện các giao dịch, sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử của Khách Hàng và/hoặc tạm khóa/ngăn chặn việc sử dụng TKGD khi phát hiện ra thông tin liên quan đến Khách Hàng (bao gồm cả thông tin liên quan đến Thiết bị đăng ký, thiết bị Khách Hàng dùng để cài đặt và sử dụng Ứng dụng điện tử) có dấu hiệu khả nghi, bất thường hoặc không hợp pháp, hợp lệ, thiết bị bên thứ ba điều khiển trái pháp luật, bị xâm chiếm/có khả năng bị xâm chiếm/chiếm quyền sử dụng hoặc bất kỳ rủi ro về an ninh thông tin và an toàn công nghệ nào khác theo đánh giá của TCBS, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, của pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của TCBS và không chịu trách nhiệm đối với Khách Hàng về việc từ chối này. (Và để nhằm thực hiện đánh giá các yếu tố này, Khách Hàng cho phép TCBS được thực hiện các hoạt động quét, kiểm tra, nhận biết mã độc, virus và các yếu tố rủi ro công nghệ khác trên Thiết bị đăng ký, thiết bị cài đặt Ứng dụng điện tử và các phần mềm/ứng dụng trên thiết bị đó nhằm và chỉ nhằm mục đích bảo đảm an toàn trong việc cung cấp Dịch vụ giao dịch điện tử cho Khách Hàng).
- 4.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Giao dịch điện tử này và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5 ***Cam kết chung của hai Bên***

- 5.1. Tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, giao dịch điện tử, phòng chống rửa tiền, các quy định pháp luật có liên quan, các quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các quy định của TCBS liên quan đến dịch vụ này.
- 5.2. Bảo mật các thông tin của Khách Hàng liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ này ngoại trừ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 5.3. Các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc cung cấp dịch vụ giữa TCBS và Khách Hàng cũng như các số liệu được ghi chép, xác nhận và lưu giữ bởi hệ thống ghi âm, hệ thống máy tính của TCBS sẽ là bằng chứng về việc giao dịch điện tử của Khách Hàng với TCBS (sau đây gọi chung là “*Chứng từ Điện tử*”). Hai bên hiểu rằng các bằng chứng này có đầy đủ tính pháp lý và hiệu lực thi hành đối với TCBS và Khách Hàng.
- 5.4. TCBS có trách nhiệm lưu trữ các Chứng từ Điện tử liên quan đến các yêu cầu giao dịch điện tử của Khách Hàng theo quy định của pháp luật. TCBS có quyền chuyển chứng từ điện tử sang chứng từ giấy. Khách Hàng cam kết hợp tác với TCBS trong việc hoàn thiện tính pháp lý của chứng từ bằng văn bản theo yêu cầu của TCBS/hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 5.5. Thông tin về đề nghị sử dụng dịch vụ từng lần của Khách Hàng sẽ được lưu giữ tại TCBS qua hệ thống ghi âm/hệ thống máy tính của TCBS, có giá trị pháp lý và được coi là một chứng từ trong thanh toán, chuyển khoản.
- 5.6. TCBS có thể tạm ngừng/chấm dứt việc cung cấp dịch vụ vì bất kỳ lý do gì mà không cần báo trước khi TCBS thấy là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp (i) Khách Hàng vi phạm quy định của TCBS hoặc của pháp luật về việc sử dụng và quản lý TKGD, hoặc (ii) theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc (iii) các trường hợp liên quan đến giả mạo, rủi ro; hoặc (iv) khi lợi ích của TCBS/Khách Hàng/Bên thứ ba có thể bị tổn hại hoặc có gian lận; hoặc (v) trường hợp TCBS tạm ngưng dịch vụ để bảo trì, nâng cấp Hệ thống của TCBS, hoặc (vi) khi phát hiện Khách Hàng vi phạm bất kỳ nội dung nào của Các Điều Khoản Và Điều Kiện GDDT, hoặc (vii) TKGD của Khách Hàng tạm khóa hoặc bị đóng.
- 5.7. TCBS có quyền coi mỗi yêu cầu của Khách Hàng là một yêu cầu độc lập, bao gồm cả trường hợp Khách Hàng gửi nhiều yêu cầu cùng lúc có nội dung giống nhau. Trường hợp TCBS nghi ngờ đây là bản sao của một yêu cầu giao dịch trước đó, TCBS được lựa chọn (nhưng không có nghĩa vụ) không chấp thuận thực hiện giao dịch và thông báo lại Khách Hàng để xử lý.
- 5.8. Bất kỳ lệnh giao dịch nào của Khách Hàng đã thực hiện sẽ được TCBS coi là có giá trị và không hủy ngang. Khách Hàng cam kết và chấp thuận rằng các giao

dịch được thực hiện thông qua Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mã mở khóa, Mật khẩu bảo mật, thông tin Chứng thư số và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử là giao dịch do chính Khách Hàng/người được ủy quyền hợp pháp của Khách Hàng thực hiện.

- 5.9. Trường hợp Khách Hàng muốn hủy yêu cầu thực hiện giao dịch của mình TCBS khoản chưa ghi nhận và/hoặc chưa xử lý giao dịch trên hệ thống của mình theo yêu cầu của Khách Hàng, và (iii) việc hủy giao dịch không ảnh hưởng đến lợi ích của TCBS cũng như lợi ích của bất kỳ một bên thứ ba nào khác.

Điều 6 ***Điều khoản về công bố các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh***

- 6.1. Việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ thống của TCBS, của Khách Hàng hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Khách Hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc bất kỳ thiệt hại nào khác phát sinh khi sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử do lỗi hệ thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành động, thao tác của Khách Hàng ảnh hưởng đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử. Khách Hàng cam kết đã đọc, ý thức rõ ràng và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về những rủi ro có thể phát sinh từ việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn các rủi ro sau:
- 6.1.1. Lỗi hệ thống phần cứng, phần mềm không hoạt động hoặc hoạt động không đúng chức năng thiết kế do lũ lụt, hỏa hoạn, thiên tai, chập điện, hư hỏng tự nhiên, hành vi phá hoại hoặc gian lận của con người khiến cho lệnh giao dịch không được thực hiện hoặc được thực hiện nhưng không đúng với nội dung lệnh ban đầu;
- 6.1.2. Rủi ro đường truyền điện thoại hoặc internet của nhà cung cấp dịch vụ gặp sự cố kỹ thuật như đứt đường truyền, quá tải hoặc những sự cố tương tự có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các giao dịch trực tuyến của Khách Hàng như giao dịch trực tuyến của Khách Hàng không thể truyền đến hệ thống của TCBS (lệnh giao dịch của Khách Hàng có thể bị treo/ngừng/trì hoãn hoặc có lỗi dữ liệu) hoặc việc nhận dạng thông tin của Khách Hàng bị nhầm lẫn, sai lệch;
- 6.1.3. Hệ thống thông tin hiện tại giữa TCBS và Sở Giao Dịch Chứng Khoán bị lỗi trong phiên giao dịch; Bảng giá chứng khoán và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi/sai, lệch hoặc Khách Hàng không thể truy cập vào hệ thống của TCBS;
- 6.1.4. Hệ thống máy tính của TCBS gặp sự cố do bị mất nguồn điện, bị tấn công, nhiễm mã độc, virus hoặc bị ảnh hưởng của những sự cố ngoài ý muốn trên hệ thống dẫn đến việc không thể xử lý, thực hiện các giao dịch trực tuyến của Khách Hàng hoặc dẫn đến các lỗi khác trên tài khoản của Khách Hàng bao gồm nhưng không giới hạn bởi: hạch toán nhầm tiền, bán nhầm tài sản,...;
- 6.1.5. Hệ thống máy tính của Khách Hàng bị hỏng, bị virus, bị tấn công dẫn đến việc làm lộ hoặc bị đánh cắp các thông tin về giao dịch của Khách Hàng (tên đăng nhập, mật khẩu, thiết bị xác thực, Thiết bị đăng ký, Mã mở khóa, số điện thoại /điện thoại di động và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có)) hoặc tài khoản của Khách Hàng bị sử dụng một cách trái phép bởi một bên thứ ba; và/hoặc
- 6.1.6. Bất cứ giao dịch nào thực hiện ngoài ý muốn của Khách Hàng do Khách Hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch mà mình đã đăng ký với TCBS, do sai sót trong quá trình Khách Hàng thao tác với các thiết bị (như nhập sai dữ liệu, dữ kiện, gõ nhầm phím...);
- 6.1.7. Việc nhận dạng các tổ chức hoặc nhà đầu tư có thể không chính xác, lỗi về bảo mật có thể xảy ra.
- 6.2. Giao dịch trực tuyến do Khách Hàng thực hiện sẽ được xử lý và thực hiện một cách tự động ngay khi truyền đến hệ thống của TCBS. TCBS được quyền xác nhận mọi giao dịch trực tuyến của Khách Hàng gửi đến TCBS đều do chính Khách Hàng thực hiện. Vì vậy, mọi ý kiến cho rằng đó là nhầm lẫn hoặc sai sót liên quan đến giao dịch của Khách Hàng đều không được chấp nhận.
- 6.3. Trường hợp xảy ra các rủi ro như quy định tại Điều 6.1 trên đây, Khách Hàng đồng ý và ủy quyền cho TCBS ngay lập tức mà không cần có sự đồng ý của Khách Hàng được thực hiện các việc bao gồm nhưng không giới hạn bởi tạm khóa/phong tỏa TKGD hoặc thực hiện các công việc khác như quy định tại Điều 6 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.
- 6.4. TCBS không chịu trách nhiệm nếu Khách Hàng để lộ Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch, Mã mở khóa và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có). Trong trường hợp bị lộ hoặc Khách Hàng phát hiện có người sử dụng trái phép Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch, Mã mở khóa và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có), Khách Hàng phải thông báo ngay lập tức cho TCBS để đình chỉ giao dịch và có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 7 ***Giao dịch chứng khoán lô lẻ trực tuyến***

- 7.1. Giao dịch chứng khoán lô lẻ trực tuyến là việc Khách Hàng thực hiện giao dịch chứng khoán lô lẻ thông qua phương thức giao dịch điện tử của TCBS.
- 7.2. Giá chuyển nhượng chứng khoán lô lẻ sẽ là mức giá do TCBS quy định đang có hiệu lực tại thời điểm Khách Hàng đặt lệnh bán chứng khoán lô lẻ và tuân thủ theo quy định của pháp luật và TCBS.
- 7.3. Khi sử dụng dịch vụ Khách Hàng đồng ý trả cho TCBS phí dịch vụ cho dịch vụ giao dịch chứng khoán lô lẻ trực tuyến được TCBS quy định theo từng thời kỳ.

Điều 8 ***Thiết bị, phần mềm và truy cập mạng***

- 8.1. Khách Hàng chịu trách nhiệm về việc áp dụng mọi biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo tính an toàn, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép Dịch vụ trong việc lắp đặt, duy trì vận hành và sử dụng các thiết bị của Khách Hàng như Thiết bị đăng ký, máy tính cá nhân, điện thoại khi kết nối, truy cập vào Hệ thống của TCBS. TCBS không chịu trách nhiệm với việc mất dữ liệu, hỏng hóc của máy tính, điện thoại, hoặc bất kỳ thiết bị nào của Khách Hàng trong quá trình Khách Hàng sử dụng để kết nối/truy cập vào Hệ thống của TCBS để sử dụng Dịch vụ.
- 8.2. Khách Hàng chịu trách nhiệm bảo đảm hệ thống điện thoại, máy tính cá nhân và phần mềm của Khách Hàng sử dụng trong việc truy cập các Dịch vụ tương thích và đáp ứng được các tiêu chí tối thiểu để có thể truy cập được Dịch vụ.

Điều 9 ***Các quy định khác***

- 9.1. Các Điều Khoản Và Điều Kiện GDDT chấm dứt hiệu lực khi:
- 9.1.1. Khách Hàng yêu cầu chấm dứt sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử phù hợp với quy định của TCBS và pháp luật;
- 9.1.2. Theo Điều 5.6 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện GDDT; hoặc
- 9.1.3. Toàn bộ các TKGD có sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử đã được đóng theo quy định tại Điều 16 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.
- 9.2. Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Dịch vụ giao dịch điện tử này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.
- 9.3. Trường hợp Khách Hàng muốn hủy bỏ sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử do TCBS cung cấp cho Khách Hàng, Khách Hàng phải thông báo cho TCBS về việc hủy bỏ đó bằng văn bản trong ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc (hoặc một thời hạn khác do TCBS chấp thuận) trước ngày Khách Hàng muốn hủy bỏ dịch vụ.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

C. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ DỊCH VỤ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

Các Điều Khoản Và Điều Khoản Về Dịch Vụ Ứng Trước Tiền Bán Chứng khoán (sau đây gọi tắt là “Các Điều Khoản Và Điều Khoản Về UTBCK”) được áp dụng cho tất cả các TKGD mở tại TCBS. Khi sử dụng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán, Khách Hàng xác nhận rằng Khách Hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Khoản Và Điều Khoản được nêu dưới đây và đồng ý chịu ràng buộc bởi Các Điều Khoản Và Điều Khoản này, và các bản sửa đổi, bổ sung do TCBS thực hiện tại từng thời điểm.

Điều 1 Giải thích từ ngữ

- 1.1. “**Khớp lệnh**”: là kết quả Lệnh mua/Lệnh bán đã được xác nhận giao dịch thành công.
- 1.2. “**Lệnh mua/Lệnh bán chứng khoán**”: là Lệnh mua/Lệnh bán chứng khoán của Khách Hàng, do Khách Hàng lập theo mẫu của TCBS đã được Khách Hàng xác nhận (bằng chữ ký trên giấy hoặc được xác thực giao dịch trực tuyến đối với các Lệnh mua/Lệnh bán là Lệnh điện tử).
- 1.3. “**Ngày T**”: là ngày giao dịch, “ngày T+1” là ngày giao dịch tiếp ngay sau ngày T; “ngày T+2” là ngày giao dịch tiếp ngay sau ngày giao dịch T+1; “ngày T+3” là ngày giao dịch tiếp ngay sau ngày giao dịch T+2.
- 1.4. “**Ngày ứng trước tiền bán**”: là ngày mà Khách Hàng phát sinh các nhu cầu thanh toán tại các trường hợp nêu tại Điều 2.1 và nhận được số tiền ứng trước trong TKGD của Khách hàng (trong khoảng thời gian từ ngày T đến ngày T+2 kể từ ngày khớp Lệnh bán).
- 1.5. “**Phí ứng trước**”: là khoản phí Khách Hàng phải trả TCBS do sử dụng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán theo Biểu phí của TCBS từng thời kỳ.
- 1.6. “**Tiền bán chứng khoán**”: là số tiền Khách Hàng được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh bán chứng khoán của Khách Hàng và đã được TCBS xác nhận là giao dịch khớp lệnh thành công.
- 1.7. “**Số tiền ứng trước**”: là số tiền TCBS ứng vào TKGD của Khách Hàng trên cơ sở yêu cầu ứng trước của Khách Hàng.
- 1.8. “**Số tiền ứng trước tối đa**”: là số tiền bán chứng khoán trừ Phí giao dịch, Phí ứng trước và Thuế, phí khác theo quy định pháp luật (nếu có).
- 1.9. “**Ứng trước tiền bán chứng khoán**”: là việc TCBS thanh toán ứng trước một khoản tiền cho Khách Hàng trên cơ sở Khách Hàng chuyển nhượng lại vô điều kiện cho TCBS quyền nhận tiền bán chứng khoán của mình và bảo đảm hoàn trả đầy đủ cho TCBS số tiền ứng trước cộng Phí ứng trước.

Các thuật ngữ khác được định nghĩa tại Các Điều Khoản Và Điều Khoản Chung.

Điều 2 Điều kiện và phương thức thực hiện UTBCK

- 2.1. Khi mở TKGD, Khách Hàng đồng ý và chấp nhận sử dụng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán. Khi có nhu cầu sử dụng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán, tại Ngày ứng trước tiền bán, Khách Hàng sẽ gửi một yêu cầu ứng trước một phần hoặc toàn bộ Số tiền ứng trước tối đa thông qua phương thức gửi yêu cầu trực tiếp tại quầy hoặc gửi một Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử có nội dung tương ứng thông qua Hệ thống của TCBS, trong đó nêu rõ Số tiền ứng trước được yêu cầu. Trên cơ sở yêu cầu của Khách Hàng (đã được lập phù hợp), TCBS có quyền nhưng không có nghĩa vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho Khách Hàng bằng cách ghi nhận số Số tiền ứng trước vào TKGD được chỉ định của Khách Hàng.
- 2.2. TCBS có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tự động Ứng trước tiền bán chứng khoán trên cơ sở kết quả Khớp lệnh đối với Lệnh bán chứng khoán trong các trường hợp sau mà không cần có yêu cầu của Khách Hàng:
 - 2.2.1. Khách Hàng sử dụng bất kỳ dịch vụ nào hoặc thực hiện bất kỳ giao dịch nào trên TKGD mà không có đủ tiền mặt trên TKGD để thanh toán/thực hiện giao dịch đó (bao gồm cả chuyển khoản tiền mặt ra khỏi tài khoản, thanh toán nợ gốc và lãi, phí các khế ước vay, thanh toán tiền mua chứng khoán, giao dịch ký quỹ và các giao dịch chứng khoán khác); và/hoặc
 - 2.2.2. Khách Hàng có những nghĩa vụ tài chính đến hạn với TCBS (bao gồm nhưng không giới hạn trong nghĩa vụ thanh toán tiền mua chứng khoán, nghĩa vụ phải thanh toán trên TKGD chứng khoán ký quỹ, các nghĩa vụ tài chính đến hạn khác): TCBS tự động ứng trước tiền bán chứng khoán để thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính đến hạn đó.
 - 2.2.3. Khách Hàng bán (hoặc bị TCBS bán giải chấp) chứng khoán ký quỹ trên TKGD chứng khoán ký quỹ của Khách Hàng: TCBS tự động ứng trước tiền bán chứng khoán để thanh toán cho những khoản nợ gốc/lãi vay ký quỹ đang tồn đọng và chưa được thanh toán của Khách Hàng.
- 2.3. Trong mọi trường hợp, Số tiền ứng trước không vượt quá Số tiền ứng trước tối đa.
- 2.4. Thanh toán hoàn trả Số tiền ứng trước: Khi sử dụng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán theo nguyên tắc tại Điều 2.1 và Điều 2.2 trên đây, Khách Hàng đồng ý chuyển nhượng vô điều kiện cho TCBS quyền nhận tiền bán chứng khoán của Khách Hàng để hoàn trả cho TCBS đầy đủ số tiền ứng trước cộng phí ứng trước từ Tiền bán chứng khoán đã được Khớp lệnh và thanh toán vào ngày T+2 kể từ ngày khớp Lệnh bán.

Điều 3 Quyền và nghĩa vụ của Khách Hàng

- 3.1. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Khoản Về UTBCK này.
- 3.2. Khi phát sinh các nghĩa vụ thanh toán như nêu tại Điều 2.2 về điều kiện thực hiện việc Ứng trước tiền bán chứng khoán, Khách Hàng được coi là đã chấp thuận các điều kiện về mức Phí ứng trước và các điều kiện khác quy định tại Điều 2 của Các Điều Khoản Và Điều Khoản Về UTBCK này.
- 3.3. Đồng ý để TCBS được tự động khấu trừ tiền từ TKGDCK của Khách Hàng để hoàn trả toàn bộ Số tiền ứng trước, Phí ứng trước và cam kết không có bất cứ khiếu nại, khiếu kiện nào về việc trích chuyển từ TKGDCK của Khách Hàng để thực hiện các khoản thanh toán này.
- 3.4. Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán theo thông báo của VSDC vì bất kỳ lý do gì thì Khách Hàng sẽ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho TCBS các khoản mà TCBS đã ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của TCBS.

Điều 4 Quyền và nghĩa vụ của TCBS

- 4.1. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Khoản Về UTBCK.
- 4.2. Tự động khấu trừ toàn bộ số tiền ứng trước, phí ứng trước từ TKGDCK của Khách Hàng khi tiền bán chứng khoán về tài khoản của Khách Hàng mà không cần có ý kiến chấp thuận của Khách Hàng.
- 4.3. TCBS có quyền đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách Hàng nếu TCBS xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho TCBS hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của TCBS.

Điều 5 Cam kết chung

Các bên thống nhất rằng, tùy từng thời kỳ và trường hợp cụ thể theo quy định của TCBS, TCBS có thể sử dụng tiền của mình hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán cho Khách Hàng phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy khi sử dụng nguồn tiền ứng trước từ bên thứ ba như vậy, ngoài việc tuân thủ bản Các Điều Khoản Và Điều Khoản Về UTBCK này, Khách Hàng phải tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc ứng trước tiền bán chứng khoán.

Điều 6 Các quy định khác

- 6.1. Các Điều Khoản Và Điều Khoản Về UTBCK chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 6.1.1 Hai bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc cùng chấm dứt dịch vụ;
- 6.1.2 Khi Khách Hàng vi phạm tại Điều 2 và Điều 3 và không khắc phục vi phạm trong thời hạn TCBS thông báo;
- 6.1.3 Do quy định của pháp luật hiện hành hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền; hoặc
- 6.1.4 Khi TCBS dừng cung cấp dịch vụ này.

Không bị ảnh hưởng bởi việc Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về UTBCK chấm dứt trước thời hạn, tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách Hàng đối với TCBS theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về UTBCK sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn thành khi Khách Hàng thực hiện tất cả các nghĩa vụ đó với TCBS.

- 6.2. Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc thay thế Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về UTBCK này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.

[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]

Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về Giao dịch ký quỹ chứng khoán sau đây (“**Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK**”) được áp dụng đối với dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán trên Tài khoản giao dịch ký quỹ (“**TKGDKQ**”) mở tại TCBS. Khi sử dụng dịch vụ do TCBS cung cấp, Khách Hàng xác nhận rằng Khách Hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ, đồng ý tuân thủ và chịu sự ràng buộc của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK được nêu dưới đây và đồng ý chịu ràng buộc bởi Các Điều Khoản Và Điều Kiện này, và bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này được TCBS thực hiện tại từng thời điểm. Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK, cùng với các yêu cầu giao dịch ký quỹ chứng khoán của Khách Hàng và các quy định liên quan khác do TCBS ban hành trong từng thời kỳ tạo thành Hợp đồng giữa TCBS và Khách Hàng về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Các Điều Khoản Và Điều Kiện này, các từ ngữ sau được hiểu theo nghĩa thông nhất như sau:

- 1.1 “**Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK**” như được định nghĩa tại phần giới thiệu trên đây.
- 1.2 “**Danh mục chứng khoán ký quỹ - DMKQ**” là danh mục các mã chứng khoán được giao dịch ký quỹ, tỉ lệ ký quỹ, tỉ lệ cho vay được quy định bởi TCBS trong từng thời kỳ.
- 1.3 “**Dư nợ ký quỹ**” là tổng số tiền (bao gồm gốc, lãi) mà Khách Hàng nợ TCBS để thực hiện giao dịch ký quỹ mua chứng khoán, thể hiện bằng số dư nợ vay trên TKGDKQ của Khách Hàng.
- 1.4 “**Hạn chế**” có nghĩa là bất kỳ biện pháp thế chấp, cầm cố, quyền cầm giữ, chuyển giao quyền, quyền chọn, giới hạn, quyền ưu tiên, quyền hoặc lợi ích của bên thứ ba, hạn chế hoặc biện pháp bảo đảm thuộc bất kỳ loại nào khác hoặc bất kỳ loại giao dịch nào có tính chất tương tự và bất kỳ thỏa thuận hay nghĩa vụ nào khác có giá trị tạo lập hoặc trao bất kỳ hạn chế nào nêu trên.
- 1.5 “**Hạn mức – HM**” là số tiền cho vay tối đa đối với từng Khách Hàng do TCBS quy định trong từng thời điểm và được áp dụng đối với mỗi Khách Hàng khác nhau nhưng không vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật.
- 1.6 “**Lãi vay**” là số tiền lãi được cộng dồn theo số ngày vay tính trên số tiền mà Khách Hàng đã vay TCBS.
- 1.7 “**Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung – CM**” là yêu cầu/thông báo của TCBS gửi đến Khách Hàng khi tài sản của Khách Hàng sụt giảm do bất kỳ lý do gì hoặc do lệnh mua vượt giá trị được phép vay theo mô hình Giao dịch ký quỹ, dẫn đến Tỉ lệ ký quỹ giảm xuống thấp hơn so với Tỉ lệ ký quỹ duy trì. Khi nhận được Lệnh gọi ký quỹ bổ sung, Khách Hàng phải bổ sung thêm tiền hoặc chứng khoán thuộc DMKQ có giá trị tương đương với số tiền gọi nộp hoặc bán bớt chứng khoán để bảo đảm Tỉ lệ ký quỹ duy trì theo quy định tại Điều 7 Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này. Lệnh gọi ký quỹ bổ sung có thể được liên hệ bằng một trong các hình thức sau: Tin nhắn SMS, email, điện thoại, văn bản, thông báo trên ứng dụng của TCBS hoặc các phương tiện khác do TCBS sử dụng và quy định tùy từng thời kỳ.
- 1.8 “**Sức mua – BP**” là số tiền mà Khách Hàng được phép mua chứng khoán trong ngày do TCBS tính toán và xác định.
- 1.9 “**Tài sản quy đổi**” là giá trị tài sản trên TKGDKQ được quy đổi từ tài sản bảo đảm với các tham số thuộc danh mục chứng khoán ký quỹ mà TCBS quy định trong từng thời kỳ.
- 1.10 “**Tài sản bảo đảm – TSBD**” là toàn bộ tài sản có trong TKGDKQ của Khách hàng, bao gồm: tiền mặt hiện có, tiền bán chứng khoán đang chờ về, toàn bộ chứng khoán hiện có hoặc đang chờ về, trừ đi tất cả các nghĩa vụ tài chính của Khách Hàng đối với TCBS.
- 1.11 “**Tài sản bảo đảm bổ sung**” hoặc “**TSBD Bổ sung**” là toàn bộ tài sản (tiền, chứng khoán) hiện có hoặc sẽ có trên các tài khoản/tiểu khoản khác thuộc TKGDKQ, TKGDKQ chỉ quỹ mở, TKGDKQ phái sinh của Khách Hàng mở tại TCBS mà không bị Hạn chế tính đến thời điểm phát sinh sự kiện bổ sung TSBD bổ sung (ngoài nghĩa vụ liên quan đến TKGDKQ).
- 1.12 “**Tỉ lệ ký quỹ**” là tỉ lệ giữa Tài sản quy đổi trên tổng dư nợ vay.
- 1.13 “**Tỉ lệ ký quỹ ban đầu**” là tỉ lệ giữa Tài sản quy đổi (trước khi thực hiện giao dịch) so với tổng dư nợ vay (dự kiến thực hiện).
- 1.14 “**Tỉ lệ ký quỹ duy trì- MR**”: là tỉ lệ tối thiểu giữa Tài sản quy đổi so với Dư nợ ký quỹ trên TKGDKQ.
- 1.15 “**Tỉ lệ xử lý TSBD**” là tỉ lệ ký quỹ mà tại mức này TCBS có quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo Tỉ lệ ký quỹ duy trì.

Các thuật ngữ khác được định nghĩa tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.

Điều 2. Tài khoản giao dịch ký quỹ

- 2.1 Ngay sau khi mở TKGDKQ cho Khách Hàng, TCBS sẽ thay mặt Khách Hàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đối với các giao dịch chứng khoán do Khách Hàng thực hiện và được TCBS chấp thuận phù hợp với Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này. Khách Hàng tại đây đồng ý và ủy quyền TCBS thay mặt Khách Hàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán này.
- 2.2 Khách Hàng được TCBS cho vay trong HM quy định của TCBS và trong phạm vi quy định của pháp luật cho phép để Khách Hàng thực hiện giao dịch ký quỹ. Khách Hàng có trách nhiệm sử dụng HM được cấp theo đúng quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này và quy định pháp luật hiện hành liên quan.
- 2.3 TCBS có quyền thay đổi HM cung cấp cho Khách Hàng bằng cách thông báo cho Khách Hàng. Phương thức thông báo theo quy định của TCBS tùy từng thời kỳ.
- 2.4 Liên quan đến việc quản lý TKGDKQ, Khách Hàng ủy quyền cho TCBS thực hiện các công việc sau:
 - 2.4.1 Thay mặt Khách Hàng rút tiền/chuyển khoản tiền để thanh toán nợ cho TCBS khi Khách Hàng còn dư nợ;
 - 2.4.2 Thay mặt Khách Hàng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với TCBS theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK, theo các tài liệu khác đã ký giữa TCBS và Khách Hàng và quy định của pháp luật hiện hành;
 - 2.4.3 Thay mặt Khách Hàng trích nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật, giữ lại chứng khoán/tiền của Khách Hàng để thực hiện việc bảo đảm nộp thuế;
 - 2.4.4 Cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản theo quy định của pháp luật.

Nội dung ủy quyền nêu trên không được hủy ngang cho đến khi Khách Hàng hoàn tất nghĩa vụ tài chính cho TCBS và chính thức thanh lý Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này với TCBS.

Điều 3. Các điều kiện để được phép thực hiện Giao dịch ký quỹ

Khách Hàng được phép thực hiện Giao dịch ký quỹ khi đáp ứng các điều kiện, điều khoản sau đây:

- 3.1 Không thuộc các trường hợp chấm dứt, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 3.2 Có khả năng tài chính bảo đảm trả nợ vay thuộc HM một cách đúng hạn và đúng cam kết.
- 3.3 Chứng khoán mà Khách Hàng mua nằm trong DMKQ và trong hạn mức của TCBS. Danh mục này có thể thay đổi tại từng thời kỳ/thời điểm theo quyết định đơn phương của TCBS.
- 3.4 Khách Hàng chỉ được đặt lệnh với giá trị nhỏ hơn hoặc bằng BP đã được xác định tại thời điểm đặt lệnh đối với từng mã chứng khoán.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay và giải ngân, nguyên tắc rút tiền/chứng khoán

- 4.1 Các nguyên tắc cho vay và giải ngân khi mua chứng khoán ký quỹ:
- 4.1.1. Số tiền cho vay: Việc Khách Hàng gửi đề nghị vay ký quỹ sẽ căn cứ vào thời gian đặt lệnh mua chứng khoán ký quỹ của Khách Hàng, Số tiền Khách Hàng đề nghị được vay được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị chứng khoán đặt lệnh (bao gồm phí giao dịch và các khoản chi phí khác (nếu có)) và số tiền mặt khả dụng (có thể dùng để mua chứng khoán) có trên TKGDQ của Khách Hàng tại thời điểm đặt lệnh. Kết quả khớp lệnh mua chứng khoán của Khách Hàng (trường hợp TKGDQ của Khách Hàng không đủ số dư tiền thanh toán cho tổng giá trị lệnh mua đã khớp) và số tiền giải ngân thực tế của TCBS là căn cứ nhận nợ của Khách Hàng. Số tiền cho vay cụ thể sẽ bằng chênh lệch giữa giá trị chứng khoán khớp lệnh thành công và số tiền mặt trên TKGDQ của Khách Hàng đã được sử dụng để mua chứng khoán.
- 4.1.2. Khách Hàng có thể được cho vay trong phạm vi HM được cấp bởi TCBS một hoặc nhiều lần để thực hiện các giao dịch mua/bán chứng khoán của Khách Hàng. Trong HM, Khách Hàng có thể trả nợ vay và tiếp tục vay lại, nhưng tổng Dư nợ ký quỹ tại mọi thời điểm không vượt quá giá trị HM theo thông báo của TCBS từng thời kỳ tới Khách Hàng và theo quy định về HM nêu tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 4.1.3. Cách thức giải ngân: Căn cứ vào kết quả giao dịch ngày T của Khách Hàng trên TKGDQ, vào ngày giải ngân theo quy định từng thời kỳ, TCBS sẽ giải ngân số tiền Khách Hàng còn thiếu để thanh toán cho số tiền phát sinh mua chứng khoán ký quỹ.
- 4.1.4. Trong thời hạn hiệu lực của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK, Khách Hàng ủy quyền và yêu cầu TCBS tự động giải ngân tiền vay theo nguyên tắc dưới đây:
- Căn cứ vào yêu cầu Mua chứng khoán của Khách Hàng ghi trên Phiếu lệnh mua chứng khoán giao dịch ký quỹ và/hoặc thông qua các phương tiện giao dịch điện tử khác mà TCBS chấp nhận và giao dịch thành công, TCBS chuyển tiền giải ngân vào TKGDQ của Khách Hàng;
 - Khách Hàng nhận nợ vay các khoản được giải ngân theo quy định trên đây và Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền TCBS đã giải ngân cho TCBS theo quy định tại Điều này;
 - Mỗi yêu cầu vay của Khách Hàng để thực hiện một giao dịch ký quỹ mà được TCBS chấp thuận giải ngân là một khoản vay độc lập.
- 4.1.5. Khách Hàng tuân thủ đúng quy định của TCBS về bảo đảm khoản vay/các tỷ lệ ký quỹ quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 4.2 Nguyên tắc khi Khách Hàng rút tiền/chứng khoán: Khách Hàng chỉ được rút tiền trên TKGDQ sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ với TCBS hoặc khi trên TKGDQ có tiền hoặc/và chứng khoán và sau khi rút vẫn phải bảo đảm tỷ lệ ký quỹ ban đầu và bảo đảm các quy định của TCBS từng thời kỳ. Khách Hàng tại đây cam kết đã hiểu, đồng ý và không có bất cứ khiếu nại, tranh chấp nào đối với TCBS về nguyên tắc, phương thức, thủ tục giải ngân và nhận nợ theo quy định tại Điều này.
- 4.3 Mục đích vay: Vay mua chứng khoán ký quỹ.
- 4.4 Xác định tỷ lệ ký quỹ cuối ngày: TCBS xác định tỷ lệ ký quỹ của từng TKGD ký quỹ không muộn hơn 23 giờ 59 phút của ngày giao dịch hoặc dựa vào giá trị gần nhất TCBS ghi nhận.
- 4.5 Các tỷ lệ liên quan đến giao dịch ký quỹ, bao gồm cả Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Tỷ lệ xử lý TSBĐ sẽ được TCBS quy định và thông báo/công khai cho Khách Hàng tại thời điểm thực hiện giao dịch ký quỹ. Trong trường hợp các tỷ lệ này được thay đổi, TCBS sẽ thông báo cho Khách Hàng theo một trong các cách thức thông báo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.

Điều 5. Quy định về lãi suất; nguyên tắc thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản thuế, phí (nếu có)

- 5.1. Quy định về lãi suất:
- 5.1.1. Khách Hàng phải trả tiền lãi cho TCBS trên toàn bộ số tiền cho vay theo lãi suất do TCBS thông báo theo từng thời kỳ và được công bố tại website hoặc các điểm giao dịch của TCBS, được tính trên dư nợ thực tế, lãi sẽ được tạm tính sau khi kết thúc ngày giao dịch và được cộng dồn. Lãi vay được tính từ thời điểm TCBS giải ngân thanh toán giao dịch ký quỹ cho Khách Hàng tới khi Khách Hàng thực hiện tất toán khoản vay.
- 5.1.2. Lãi suất cho vay có thể được điều chỉnh theo quyết định đơn phương của TCBS phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của TCBS và quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Khách Hàng đồng ý với phương thức thay đổi lãi suất này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào đối với TCBS.
- 5.2. Nguyên tắc thu nợ gốc và lãi vay:
- 5.2.1. Thu hồi nợ gốc và lãi khi trên TKGDQ có tiền mặt: khi trên TKGDQ có tiền mặt (do Khách Hàng nộp tiền, tiền bán chứng khoán về, ứng trước tiền bán, cổ tức bằng tiền, các lợi ích tài chính khác được chi trả bằng tiền mặt, các trường hợp khác làm phát sinh tiền mặt trên TKGDQ của Khách Hàng...) TCBS sẽ tự động thu lại gốc và lãi vay mà Khách Hàng còn nợ TCBS theo nguyên tắc thu hết lãi của món vay sau đó mới thu gốc. Tiền có sẵn tại TKGDQ được ưu tiên sử dụng trước tiền bán chứng khoán, trước tiên ưu tiên sử dụng thanh toán thuế, phí trả sở giao dịch, chi phí trả cho bên thứ ba là cơ quan Nhà nước hoặc bên cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có), sau đó lần lượt thanh toán lãi vay, gốc của khoản vay. Khoản vay quá hạn được ưu tiên thu hồi gốc và lãi trước các khoản vay chưa đến hạn.
- 5.2.2. Thu hồi nợ trong các trường hợp các khoản vay đến hạn: Khách Hàng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ gốc và lãi của khoản tiền vay tại ngày hết hạn của khoản vay bằng cách nộp hoặc để sẵn tiền mặt trên TKGDQ trước 15h00 (mười lăm giờ) ngày đến hạn để hệ thống tự động thanh toán nợ vào cuối ngày đến hạn.
- 5.2.3. Thu hồi nợ trong trường hợp phải xử lý TSBĐ: Theo quy định tại Điều 8 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 5.2.4. Nếu ngày trả nợ gốc và/hoặc lãi không phải là một Ngày Làm Việc thì ngày trả nợ gốc và/hoặc lãi được tính là Ngày Làm Việc ngay sau đó và lãi được tính đến ngày Khách Hàng thực tế trả nợ.
- 5.3. Quy định về thu thuế, phí (nếu có):
- Khách Hàng có trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của TCBS và cơ quan có thẩm quyền trong từng thời kỳ.
- 5.4. Chuyển nợ quá hạn:
- 5.4.1. TCBS sẽ chuyển khoản nợ gốc không thanh toán đúng hạn thành Nợ quá hạn khi Khách Hàng:
- Không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này; hoặc
 - Không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn quy định bởi TCBS khi được yêu cầu trả nợ trước hạn trong các trường hợp quy định tại Điều 8.6 Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 5.4.2. Khi bị chuyển thành nợ quá hạn thì sẽ áp dụng lãi suất quá hạn tại thời điểm chuyển quá hạn theo quy định của TCBS.
- 5.4.3. Thời điểm chuyển quá hạn là ngày liền sau một (01) ngày làm việc đến hạn thanh toán nợ gốc hoặc ngày Khách Hàng phải thanh toán khi được yêu cầu trả nợ trước hạn của TCBS mà Khách Hàng không thực hiện thanh toán.
- 5.5. Lãi quá hạn được tính bắt đầu từ thời điểm khoản nợ bị chuyển quá hạn do một trong các sự kiện tại Điều 5.4.1 xảy ra cho đến ngày toàn bộ gốc của khoản nợ tương ứng đã được thanh toán hết.

Điều 6. Thời hạn của khoản vay

- 6.1. Thời hạn cụ thể của các khoản vay trong hạn mức được mặc định là 89 ngày kể từ ngày TCBS thực hiện giải ngân. Phù hợp với quy định của pháp luật, thời hạn

này có thể được thay đổi tùy theo chính sách sản phẩm giao dịch ký quỹ của TCBS tại từng thời kỳ và được niêm yết tại website hoặc các điểm giao dịch của TCBS.

- 6.2. TCBS có quyền (không phải là nghĩa vụ) xem xét tiếp tục gia hạn cho các khoản vay trong hạn mức trên cơ sở đề nghị bằng văn bản và/hoặc qua phương thức giao dịch điện từ của Khách Hàng và phù hợp với Chính sách của TCBS tại từng thời kỳ.

Điều 7. Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung

- 7.1. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của Khách Hàng giảm xuống thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì, TCBS sẽ phát hành Lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi đến Khách Hàng. Ngay khi nhận được thông báo, Khách Hàng cần thực hiện bổ sung TSBĐ để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ tối thiểu bằng với Tỷ lệ ký quỹ duy trì ở các ngày giao dịch tiếp theo nhưng không quá ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được Lệnh gọi ký quỹ bổ sung như vậy. Việc bổ sung TSBĐ được thực hiện bằng một hoặc một số phương thức sau:
- 7.1.1. Bổ sung TSBĐ bằng cách nộp thêm tiền vào TKGDQK;
 - 7.1.2. Bổ sung tài sản bảo đảm bằng chứng khoán trong DMKQ; và/hoặc
 - 7.1.3. Bán chứng khoán trong TKGDQK để thu về tiền bán chứng khoán nhằm trả nợ.
- 7.2. TCBS sẽ thông báo cho Khách Hàng đồng thời tự động thực hiện xử lý TSBĐ/TSBĐ Bổ sung theo nguyên tắc tại Điều 8 khi:
- 7.2.1. Tỷ lệ ký quỹ thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì trong ba (03) ngày làm việc liên tiếp; hoặc
 - 7.2.2. Tại bất cứ thời điểm nào khi Tỷ lệ ký quỹ thấp hơn Tỷ lệ xử lý TSBĐ.

Kể từ thời điểm một trong hai sự kiện trên phát sinh (tùy thuộc sự kiện nào xảy ra trước), TCBS được toàn quyền chủ động và quyết định thực hiện các công việc cần thiết liên quan đến xử lý TSBĐ/TSBĐ Bổ sung cho đến khi Tỷ lệ ký quỹ của Khách Hàng tăng lên tối thiểu bằng với Tỷ lệ ký quỹ duy trì. TCBS không cần xin thêm bất kỳ chấp thuận, phản hồi nào từ Khách Hàng và cũng sẽ không thể bị ngăn cản bởi bất kỳ sự phản đối nào từ Khách Hàng khi tự động thực hiện xử lý TSBĐ như vậy.

Điều 8. Tài sản bảo đảm và xử lý Tài sản bảo đảm

- 8.1. Khi sử dụng dịch vụ ký quỹ chứng khoán, Khách Hàng đã đồng ý thế chấp TSBĐ để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Khách Hàng đối với TCBS. Nghĩa vụ thanh toán được quy định trong Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này bao gồm và không giới hạn trong nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả các chi phí khác cũng như các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán trong trường hợp Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu của Khách Hàng với TCBS.
- 8.2. Ngoài các TSBĐ nêu trên, Khách Hàng có thể bổ sung thêm TSBĐ cũng được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách Hàng đối với TCBS khi xảy ra các sự kiện (cũng chính là “TSBĐ Bổ sung”) như được quy định tại Điều 8.6 và/hoặc trường hợp đã xử lý TSBĐ nhưng vẫn không đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ duy trì hoặc thu hồi không đủ Dư nợ ký quỹ, bằng hợp đồng này, Khách Hàng ủy quyền cho TCBS bán hoặc thu hồi bất kỳ tài sản khác của Khách Hàng đang tham gia các dịch vụ/sản phẩm khác do TCBS cung cấp để thu hồi nợ, đồng thời Khách Hàng vẫn có trách nhiệm tiếp tục chủ động thanh toán đầy đủ Dư nợ ký quỹ theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 8.3. TCBS và/hoặc bên thứ ba do TCBS ủy quyền có quyền tính toán, đánh giá và xác định lại giá trị của tài sản bảo đảm này theo giá thị trường như quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này. Khách Hàng đồng ý với việc tính toán, đánh giá và xác định lại này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào với TCBS về vấn đề này.
- 8.4. Thời hạn bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán tại Điều 8.1: tính từ khi Khách Hàng sử dụng dịch vụ ký quỹ chứng khoán cho đến khi Khách Hàng hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi, phí, phạt... và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 8.5. Phong tỏa tài sản bảo đảm:
- 8.5.1. Khách Hàng chấp nhận và TCBS đồng ý phong tỏa toàn bộ tài sản bảo đảm của Khách Hàng tại TKGDQK kể từ ngày sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ.
 - 8.5.2. Trong thời hạn bảo đảm nghĩa vụ thanh toán, Khách Hàng có thể bán một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm để mua chứng khoán khác với điều kiện số tiền về tài khoản của Khách Hàng sẽ phải trả các nghĩa vụ thanh toán cho TCBS trước.
 - 8.5.3. Trong trường hợp Khách Hàng đã hoàn thành toàn bộ và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này, TCBS sẽ giải tỏa tài sản bảo đảm.
- 8.6. Xử lý tài sản bảo đảm và tài sản bảo đảm bổ sung:
- TCBS có quyền xử lý Tài sản bảo đảm và Tài sản bảo đảm bổ sung của Khách Hàng tại bất kỳ thời điểm nào khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
- 8.6.1. Khi Khách Hàng có khoản nợ đến hạn thanh toán mà Khách Hàng không trả hoặc không trả hết bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào liên quan đến khoản nợ đó;
 - 8.6.2. Khi Khách Hàng không đảm bảo Tỷ lệ duy trì và không bổ sung đủ TSBĐ trong thời hạn theo quy định tại Điều 7;
 - 8.6.3. Khi Tỷ lệ ký quỹ của Khách Hàng giảm xuống còn bằng hoặc nhỏ hơn Tỷ lệ xử lý TSBĐ;
 - 8.6.4. Khi xảy ra các tình huống mà TCBS, tùy theo quyết định của mình, được quyền yêu cầu Khách Hàng trả nợ trước hạn đối với một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đang hiện hữu (và khi đó bất kỳ khoản nợ nào được yêu cầu thanh toán như vậy, dù đã đến hạn trả nợ theo thỏa thuận ban đầu hay chưa, cũng sẽ được coi là đã đến hạn tại ngày TCBS yêu cầu) và/hoặc chấm dứt việc cho vay, bao gồm các tình huống sau:
 - a. Có bất kỳ bản án/vụ án/vụ việc tố tụng, khiếu nại, khiếu kiện mà Khách Hàng là bị đơn hoặc Khách Hàng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu trách nhiệm vật chất;
 - b. Khi có bất kỳ một thay đổi bất lợi đáng kể nào xảy ra với Khách Hàng mà có thể ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi đến (i) công việc kinh doanh, hoạt động, tài sản, tài sản bảo đảm, tình trạng hiện tại về tài chính hoặc vấn đề khác hoặc triển vọng kinh doanh, tài chính của Khách Hàng, hoặc (ii) khả năng của Khách Hàng trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình;
 - c. Khách Hàng tạm ngừng kinh doanh/hoạt động, đang thực hiện thủ tục thanh lý, phá sản, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;
 - d. Khách Hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào đối với TCBS;
 - e. Khách Hàng có bất kỳ nghĩa vụ tài chính, khoản nợ quá hạn nào tại TCBS hoặc các Tổ chức tín dụng nằm trong nhóm nợ quá hạn thuộc nhóm 2, 3, 4, 5 theo quy định của pháp luật;
 - f. Khách Hàng tổ chức lại doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp v.v... mà không có văn bản nào xác nhận việc kế thừa các nghĩa vụ của Khách Hàng được TCBS chấp nhận trước khi thực hiện việc tổ chức lại;
 - g. Một trong các sự kiện sau đây xảy ra đối với TSBĐ/TSBĐ bổ sung:
 - (i) Một phần hoặc toàn bộ TSBĐ/TSBĐ bổ sung bị buộc phong tỏa, xử lý, ngừng/tạm ngừng giao dịch/hủy niêm yết, bị loại ra khỏi danh mục chứng khoán được giao dịch ký quỹ hoặc chịu bất kỳ hạn chế nào theo quy định của pháp luật; hoặc

- (ii) Một phần hoặc toàn bộ TSBĐ/ TSBĐ bổ sung bị buộc phải chuyển, chuyển giao hoặc bị thu hồi nhằm thanh toán hoặc thay thế cho nghĩa vụ của bên thứ ba bất kỳ ngoài TCBS hoặc theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - h. Khách Hàng vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào trong Hợp Đồng, Các Điều Khoản Và Điều Kiện Cụ Thể hoặc bất kỳ văn bản, thỏa thuận, cam kết liên quan nào khác với TCBS mà không khắc phục được trong thời hạn do TCBS yêu cầu;
 - i. Theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, TCBS phải thu hồi nợ trước hạn hoặc phát sinh sự kiện bất khả kháng khác như sự thay đổi của pháp luật, khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, biểu tình, thiên tai và các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật;
 - j. Khách Hàng hoặc người đại diện theo pháp luật, người điều hành hoặc cổ đông có quyền chi phối đối với Khách Hàng mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
 - k. Khách Hàng không đồng ý với sự thay đổi về chính sách cho vay ký quỹ của TCBS, bao gồm nhưng không giới hạn lãi suất vay ký quỹ, phí, các tỉ lệ liên quan đến giao dịch ký quỹ;
 - l. Khách Hàng cung cấp thông tin sai sự thật, giả mạo thông tin hoặc hồ sơ hoặc theo hiểu biết tốt nhất của TCBS, đã không cung cấp đủ thông tin cần thiết dẫn đến việc TCBS ghi nhận dữ liệu không chính xác về Khách Hàng trong quá trình Khách Hàng thực hiện mở, sử dụng TKGDCK và sử dụng các dịch vụ có liên quan của TCBS;
 - m. Khách Hàng từ vong mà không có người thừa kế phù hợp với quy định pháp luật và được TCBS chấp thuận để tiếp nhận các quyền và nghĩa vụ của Khách Hàng theo Hợp đồng này;
 - n. Theo đánh giá của TCBS, khi có bất kỳ một thay đổi bất lợi đáng kể nào xảy ra với Khách Hàng mà có thể ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi đến (i) công việc kinh doanh, hoạt động, tài sản, tài sản bảo đảm, tình trạng hiện tại về tài chính hoặc vấn đề khác hoặc triển vọng kinh doanh, tài chính của Khách Hàng, hoặc (ii) khả năng của Khách Hàng trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình; hoặc
 - o. Khi TCBS ngừng cho vay và cung cấp giao dịch ký quỹ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do thay đổi trong giấy phép hoặc chiến lược kinh doanh hoặc bất kỳ trường hợp nào khác TCBS xét thấy phù hợp trong thời hạn của Hợp đồng này.
- 8.6.5. Khi tổng Dư nợ ký quỹ tại mọi thời điểm vượt quá giá trị HM theo thông báo của TCBS từng thời kỳ tới Khách Hàng và theo quy định về HM nêu tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK.
- 8.6.6. Pháp luật quy định TSBĐ/TSBĐ bổ sung phải được xử lý để thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn hoặc theo các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.
- 8.6.7. Khi TCBS xử lý tài sản để thu hồi các nghĩa vụ khác giữa Khách Hàng và TCBS ngoài các nghĩa vụ liên quan đến các khoản vay ký quỹ.
- 8.7. Phương thức xử lý Tài sản bảo đảm và Tài sản bảo đảm bổ sung:
- 8.7.1. Các phương thức xử lý Tài sản bảo đảm và Tài sản bảo đảm bổ sung: Khi xảy ra bất kỳ sự kiện xử lý Tài sản bảo đảm và Tài sản bảo đảm bổ sung nào nêu tại Điều 8.6, TCBS, tùy theo toàn quyền lựa chọn của mình, được thực hiện một hoặc nhiều phương thức sau đây theo bất kỳ thứ tự nào TCBS quyết định để xử lý Tài sản bảo đảm và Tài sản bảo đảm bổ sung: (i) Cất tiền mặt khả dụng; (ii) Bán chứng khoán trên TKGDCK, TKGD khác hoặc thực hiện đóng vị thế phái sinh hiện có của Khách Hàng trên TKGD chứng khoán phái sinh để thu tiền về nhằm thanh toán các nghĩa vụ liên quan đến giao dịch ký quỹ; và/hoặc (iii) Tự động áp dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán và ngay lập tức cắt tiền được ứng trước đối với các Lệnh bán chứng khoán đã được khớp và đang trong thời gian hợp lệ để sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (dù là chứng khoán trên TKGDCK hay TKGD khác).
- Để làm rõ, khi xử lý TSBĐ và/hoặc TSBĐ Bổ sung bằng cách bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc chứng khoán khác trên TKGD của Khách Hàng theo quy định tại Điều này, TCBS được quyền tự động áp dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán đối với bất kỳ Lệnh bán chứng khoán nào như vậy để ngay lập tức thu về tiền bán chứng khoán và thanh toán cho nghĩa vụ nợ của Khách Hàng. Phí ứng trước tiền bán chứng khoán do Khách Hàng chỉ trả theo quy định về dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán của TCBS.
- 8.7.2. Ngay khi phát sinh các sự kiện tại Điều 8.6, Khách Hàng chấp thuận rằng:
- a. TCBS có quyền thông báo cho Khách Hàng về sự kiện xử lý TSBĐ/TSBĐ Bổ sung, yêu cầu Khách Hàng trả nợ đến hạn hoặc trả nợ trước hạn trong một khoảng thời gian cụ thể trước khi xử lý TSBĐ/TSBĐ Bổ sung hoặc tiến hành xử lý TSBĐ/TSBĐ Bổ sung ngay lập tức. Để làm rõ, kể cả trong các sự kiện nêu từ Điều 8.6.4 đến Điều 8.6.7, TCBS cũng có quyền tính giảm hoặc loại bỏ hoàn toàn giá trị TSBĐ/TSBĐ Bổ sung được ghi nhận dùng để tính toán Tỷ lệ ký quỹ theo bất kỳ cách thức nào TCBS cho là hợp lý mà không phụ thuộc vào giá trị thị trường của tài sản đó nhằm yêu cầu Khách Hàng trả nợ đến hạn/trước hạn; và
 - b. TCBS có toàn quyền và Khách Hàng đồng ý ủy quyền cho TCBS trong việc xử lý Tài sản bảo đảm và Tài sản bảo đảm bổ sung, bao gồm nhưng không hạn chế bởi việc quyết định giá bán, phương thức, thời điểm, việc ứng trước tiền bán theo mức phí quy định, việc chuyển chứng khoán và chuyển/cất tiền giữa các tài khoản của Khách Hàng, đóng vị thế phái sinh của Khách Hàng mở tại TCBS. Khách Hàng theo đây cam kết từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp với TCBS liên quan đến vấn đề xử lý tài sản bảo đảm và tài sản bảo đảm bổ sung được thực hiện bởi TCBS hoặc bên thứ ba do TCBS ủy quyền.
- 8.7.3. Khách Hàng đồng ý và chấp thuận thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm và tài sản bảo đảm bổ sung.
- 8.7.4. Sau khi xử lý TSBĐ và TSBĐ bổ sung, số tiền thu được sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản phí, chi phí và các khoản thuế liên quan (nếu có) trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm và tài sản bảo đảm bổ sung, trả các khoản nợ mà Khách Hàng phải trả cho TCBS, gồm cả nợ gốc, lãi, phí, chi phí, nghĩa vụ thuế liên quan đến xử lý TSBĐ và tài sản bảo đảm bổ sung, tiền phạt và tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này; nếu còn dư thì TCBS sẽ hoàn trả lại cho Khách Hàng phần tiền còn dư này; nếu còn thiếu thì Khách Hàng có nghĩa vụ tiếp tục trả cho TCBS cho đến khi thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính còn tồn đọng cho TCBS.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Khách Hàng

- 9.1. Nghĩa vụ của Khách Hàng:
- 9.1.1. Cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì khó khăn trở ngại trong trường hợp TCBS phải xử lý TSBĐ và TSBĐ bổ sung.
 - 9.1.2. Nhận nợ vô điều kiện và cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với các khoản tiền vay được TCBS tự động giải ngân trên TKGDCK (không cần có chữ ký của Khách Hàng) để thanh toán cho các giao dịch đã thành công tại TCBS.
 - 9.1.3. Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung TSBĐ và TSBĐ bổ sung, trả bớt nợ vay, chủ động hoặc yêu cầu TCBS xử lý một phần hoặc toàn bộ TSBĐ và TSBĐ bổ sung để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ duy trì.
 - 9.1.4. Trong thời gian cầm cố/thể chấp TSBĐ, không được phép chuyển nhượng, không được cầm cố/thể chấp TSBĐ cho bên thứ ba, không chuyển giao, không cho tặng chứng khoán, không thực hiện bất cứ quyền nào phát sinh từ TSBĐ không đúng với các quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này, không xâm phạm đến TSBĐ hoặc sử dụng biện pháp khác để rút tiền/chuyển chứng khoán từ TSBĐ không đúng với các quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này và nhìn chung, không tạo lập hoặc có hành vi dẫn đến việc tạo lập bất kỳ Hạn Chế nào với TSBĐ, trừ hạn chế từ việc sử dụng tài sản để bảo đảm cho các nghĩa vụ theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
 - 9.1.5. Thanh toán phí, chi phí, các khoản thuế liên quan tới việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa TSBĐ/TSBĐ bổ sung, xử lý TSBĐ/TSBĐ bổ sung, chi phí để được mở và sử dụng TKGDCK nói riêng và TKGD nói chung.

- 9.1.6. Bổ sung TSBD theo quy định của TCBS trong trường hợp TSBD của Khách Hàng bị giám sát giá trị theo đánh giá của TCBS.
- 9.1.7. Trả nợ (gốc và lãi), phí, chi phí, các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn cho TCBS. Trường hợp không trả nợ gốc, lãi vay và phí, chi phí đúng hạn, Khách Hàng phải trả lãi cho số tiền chậm thanh toán theo tỷ lệ phạt chậm trả được TCBS quy định trong từng thời kỳ.
- 9.1.8. Cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản khác của Khách Hàng để trả đủ nợ gốc và tiền lãi vay, phí, chi phí và các khoản nợ đến hạn khác (nếu có) cho TCBS; đồng thời đồng ý để TCBS tự động phong tỏa tài khoản và trích tài khoản của Khách Hàng mở tại TCBS để trích tiền thu hồi các khoản nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại cho TCBS.
- 9.1.9. Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- 9.1.10. Tự chịu trách nhiệm công bố thông tin nếu giao dịch mua bán chứng khoán trên TKGDQK của Khách Hàng nằm trong diện phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 9.1.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 9.2. Quyền của Khách Hàng
- 9.2.1. Khách Hàng chỉ được rút tiền trên TKGDQK sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ với TCBS hoặc khi trên TKGDQK có tiền và sau khi rút vẫn phải bảo đảm tỷ lệ ký quỹ ban đầu và bảo đảm các quy định của TCBS từng thời kỳ.
- 9.2.2. Có quyền được nhận các thông báo về việc thay đổi chính sách của TCBS liên quan tới Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK theo phương thức do TCBS quyết định.
- 9.2.3. Chấm dứt Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK trước thời hạn với điều kiện đã thanh toán mọi khoản nợ cho TCBS.
- 9.2.4. Khiếu nại, khởi kiện TCBS nếu TCBS vi phạm quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của TCBS

- 10.1. Quyền của TCBS
- 10.1.1. Từ chối giải ngân nếu Khách Hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSBD, các tỷ lệ ký quỹ và/hoặc các điều kiện khác theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 10.1.2. Từ chối giải ngân và không cho phép giao dịch mua chứng khoán kể cả bằng tiền mặt đối với một số trường hợp sau đây theo quy định của UBCKNN khi:
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của TCBS vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của TCBS;
 - Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của TCBS đối với một Khách Hàng vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của TCBS;
 - Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của TCBS đối với một loại chứng khoán vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của TCBS; hoặc
 - Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của TCBS vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.
- Trường hợp có sự thay đổi trong quy định của pháp luật về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, các quy định tại Điều này cũng sẽ được tự động sửa đổi tương ứng và TCBS chỉ giải ngân cho Khách Hàng vay khi TCBS đáp ứng được các yêu cầu này.
- 10.1.3. Từ chối giải ngân trong trường hợp nằm ngoài khả năng cung cấp dịch vụ của TCBS.
- 10.1.4. Đơn phương xác định lại, điều chỉnh và chấm dứt HM, BP đã cấp cho Khách Hàng.
- 10.1.5. Đơn phương thay đổi mức lãi suất cho vay, thay đổi cách tính lãi quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 10.1.6. Đơn phương xác định lại, thay đổi các tỷ lệ cho vay đối với bất kỳ mã chứng khoán nào thuộc DMKQ.
- 10.1.7. Đơn phương thay đổi, quyết định các tỷ lệ liên quan tới quản lý, xử lý TSBD/TSBD bổ sung của Khách Hàng, ngày xử lý TSBD/TSBD bổ sung quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 10.1.8. Tự động ghi nợ, ghi có, chuyển khoản, nộp/trích/rút/chuyển khoản tiền đối với các tài khoản của Khách Hàng tại TCBS trong trường hợp chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua/bán, thanh toán phí, thuế và các nghĩa vụ thanh toán khác của Khách Hàng tại TCBS để thực hiện các giao dịch theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 10.1.9. Thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách Hàng và/hoặc các quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 10.1.10. Cung cấp thông tin liên quan đến các tài khoản của Khách Hàng theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 10.1.11. Khi các khoản vay của Khách Hàng đến hạn trả nợ hoặc phải trả nợ trước hạn theo các quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này, TCBS được quyền tự động trích tài khoản của Khách Hàng tại TCBS (bao gồm TKGDQCK và TKGDCK thường của Khách Hàng) để bảo đảm các nghĩa vụ thanh toán đó.
- 10.1.12. Được quyền xử lý TSBD và TSBD bổ sung theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này khi yêu cầu Khách Hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc đến thời hạn được TCBS yêu cầu trả nợ trước hạn mà Khách Hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho TCBS.
- 10.1.13. Không cần sự chấp thuận của Khách Hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho Bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của TCBS theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này bao gồm và không giới hạn quyền đòi các khoản nợ gốc, thụ hưởng tiền lãi phát sinh, nợ quá hạn, nợ lãi quá hạn và chi phí khác (nếu có). Trong trường hợp này, TCBS có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách Hàng bằng văn bản.
- 10.1.14. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 10.2. Nghĩa vụ của TCBS
- 10.2.1. Giải ngân cho Khách Hàng các khoản nằm trong HM khi Khách Hàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSBD và các tỷ lệ bảo đảm theo đúng quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 10.2.2. Thông báo cho Khách Hàng các thay đổi về danh mục ký quỹ, các tỷ lệ liên quan tới xử lý, quản lý TSBD/TSBD bổ sung theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này, các tài liệu đi kèm và phát sinh (nếu có) thông qua một trong các phương thức do TCBS lựa chọn như: (i) gửi văn bản; hoặc (ii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iii) email; hoặc (iv) SMS; hoặc (v) công bố trên website của TCBS; hoặc (vi) thông báo trên Ứng dụng điện tử hoặc Webtrade của TCBS;
- 10.2.3. Thực hiện đúng quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này, các tài liệu đi kèm và phát sinh (nếu có).
- 10.2.4. Thực hiện lưu trữ hồ sơ Khách Hàng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 11. Cam kết của Khách Hàng

- 11.1. Khách Hàng đã đọc, hiểu rõ và chấp thuận các quy định về giao dịch ký quỹ quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này và tại đây cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào về các nguyên tắc, điều kiện, điều khoản, thủ tục giải ngân, nhận nợ, xử lý TSBD và TSBD bổ sung, công bố thông

tin, các rủi ro phát sinh khi thực hiện giao dịch trên TKGDQK với TCBS theo các quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này. Khách Hàng đồng thời xác nhận rằng đã được TCBS giải thích rõ về (các) rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ và sử dụng TKGDQK và chấp nhận toàn bộ các rủi ro đó trước khi ký kết và thực hiện theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.

- 11.2. Khách Hàng có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp và có thẩm quyền để sử dụng GDKQCK này và tuân thủ các nghĩa vụ được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này.
- 11.3. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách Hàng và người được ủy quyền hợp pháp của Khách Hàng thì Khách Hàng và cam kết và bảo đảm không yêu cầu TCBS phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu TCBS phải tham gia theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Khách Hàng cam kết chịu các phí tổn của TCBS để tham gia.
- 11.4. Khách Hàng/người được ủy quyền hợp pháp có trách nhiệm tự mình kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền (bao gồm cả số tiền mà TCBS đã giải ngân cho Khách Hàng vay theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này) và chứng khoán trên TKGDQK của Khách Hàng. Mọi yêu cầu, thắc mắc của Khách Hàng liên quan đến TKGDQK cũng như dịch vụ TCBS cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sai sót, gian lận, giao dịch trái thẩm quyền hoặc bất kỳ sự phản đối nào của Khách Hàng, phải được gửi đến TCBS trong vòng 03 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch trên TKGDQK của Khách Hàng. Sau thời hạn trên, Khách Hàng chấp nhận tình trạng giao dịch, số dư tiền và chứng khoán trên TKGDQK của mình, và theo đó TCBS được giải phóng khỏi mọi nghĩa vụ đối với bất kỳ giao dịch nào được xác lập trên tài khoản của Khách Hàng trừ các giao dịch mà Khách Hàng đã thông báo theo đúng quy định tại điều này và đã được xác minh là có sai sót hoặc gian lận hoặc là giao dịch trái thẩm quyền.

Điều 12. Vi phạm Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK

Trường hợp Khách Hàng vi phạm bất kỳ quy định nào tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này, TCBS có quyền chấm dứt ngay việc cung cấp dịch vụ này. Tuy nhiên, TCBS có thể tùy quyết định của riêng mình lựa chọn phương án gửi thông báo cho Khách Hàng về thời hạn thực hiện sửa chữa vi phạm. Thời hạn yêu cầu khắc phục vi phạm quy định tại Điều này có thể được gia hạn tùy theo quyết định của TCBS.

Điều 13. Hiệu lực và sửa đổi

- 13.1. Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này đồng thời được coi là hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm cho khoản vay đối với các khoản vay trên TKGDQK.
- 13.2. Hiệu lực Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - 13.2.1. Hai bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc cùng chấm dứt dịch vụ;
 - 13.2.2. Khi xảy ra vi phạm tại Điều 12 hoặc Khách Hàng không sửa chữa vi phạm trong thời hạn thông báo;
 - 13.2.3. Do quy định của pháp luật hiện hành hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
 - 13.2.4. TCBS dừng cung cấp dịch vụ cho vay để giao dịch chứng khoán ký quỹ hoặc TCBS không còn đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ theo quy định của pháp luật hoặc
 - 13.2.5. Khách Hàng yêu cầu hủy việc sử dụng dịch vụ và/hoặc đóng TKGDQK theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này và Các Điều Khoản Và Điều Kiện chung.
- 13.3. Khi Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK chấm dứt, mọi khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán của Khách Hàng đối với TCBS sẽ tự động đến hạn vào thời điểm chấm dứt, bao gồm nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí và nghĩa vụ khác của các khoản vay của Khách Hàng với TCBS. TCBS sẽ ngừng cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ vào ngày dự định chấm dứt cung cấp dịch vụ và tiến hành xử lý Dư nợ ký quỹ và/hoặc tài sản của Khách Hàng trên TKGDQK. Tài sản còn lại của Khách Hàng sau khi TCBS đã xử lý xong các nghĩa vụ của Khách Hàng theo quy định của TCBS sẽ được chuyển trả lại TKGD của Khách Hàng.
- 13.4. Khi xảy ra các trường hợp nêu tại Điều 13.2.2, 13.2.3 và 13.2.4 TCBS có quyền chủ động chấm dứt cung cấp dịch vụ và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Khách Hàng. TCBS có thể tùy quyết định của riêng mình lựa chọn phương án gửi thông báo thông qua một trong các hình thức thông báo do TCBS tự lựa chọn về việc chấm dứt cung cấp dịch vụ nếu TCBS cho rằng việc thông báo là cần thiết.
- 13.5. Không bị ảnh hưởng bởi việc Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK chấm dứt trước thời hạn, tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách Hàng đối với TCBS theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn thành khi Khách Hàng thực hiện tất cả các nghĩa vụ đó với TCBS.
- 13.6. Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này sẽ theo quy định tại Điều 14 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.

Điều 14. Các quy định khác

- 14.1. Thông báo:

Tất cả thông báo và tài liệu giao dịch giữa các Bên được gửi theo một hoặc tất cả các phương thức liên lạc đã đăng ký và được xem như đã được giao và nhận khi:

 - 14.1.1. Chuyển giao trực tiếp và có ký nhận bên nhận/hoặc bộ phận hành chính văn thư của bên nhận;
 - 14.1.2. Nếu gửi bằng đường bưu điện, theo dịch vụ chuyển phát thường thì ngày giao nhận là ngày làm việc thứ tư kể từ ngày gửi theo dấu xác nhận của bưu điện nơi gửi; nếu bằng dịch vụ bảo đảm/chuyển phát nhanh, ngày giao nhận là ngày bên cung cấp dịch vụ chuyển phát đã giao tài liệu cho bên nhận;
 - 14.1.3. Trong trường hợp gửi fax, telex trong giờ làm việc đến địa chỉ giao dịch nếu có hồi báo hoặc có giấy xác nhận đã chuyển xong bản fax hoặc telex;
 - 14.1.4. Tại thời điểm thư điện tử được gửi đi (nếu gửi bằng email);
 - 14.1.5. Tại thời điểm thông báo được cập nhật lên Website của TCBS (nếu thông báo qua Website).
 - 14.1.6. Tại thời điểm thông báo bằng điện thoại hoặc bằng tin nhắn SMS được thực hiện. Việc thông báo bằng điện thoại, tin nhắn SMS cũng được coi là hợp lệ nếu các bên có đầy đủ bằng chứng về việc ghi âm, lưu giữ các cuộc điện thoại và tin nhắn.

Trong mọi trường hợp, một trong các bên không chịu trách nhiệm nếu vì bất cứ lý do chủ quan hay khách quan nào mà bên kia không nhận được thông báo, với điều kiện chứng minh và lưu giữ được bằng chứng về việc đã thông báo như quy định trên đây. Các Bên có thể thay đổi địa chỉ cho mục đích của Điều này bằng các thông báo bằng văn bản cho Bên kia.

- 14.2. Nếu bất kỳ điều, khoản mục nào của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này bị mất hiệu lực, không hợp lệ hoặc không thể thực thi theo bất kỳ quy định nào của pháp luật, hay quyết định, bản án có hiệu lực của tòa án có thẩm quyền hay cơ quan có thẩm quyền khác, thì tất cả các điều khoản khác của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này vẫn giữ nguyên hiệu lực. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xác định rằng bất kỳ điều, khoản hay mục nào bị mất hiệu lực, không hợp lệ hoặc không thể thực thi, Các Bên sẽ thỏa thuận để thay thế điều khoản mất hiệu lực, không hợp lệ hoặc không thể thực thi đó bằng một điều khoản có hiệu lực, hợp lệ và có thể thực thi để thực hiện càng gần mục tiêu ban đầu của Các Bên càng tốt và để các giao dịch quy định trong Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này được hoàn thành gắn với mục tiêu xác định ở phạm vi cao nhất có thể. Các bên tại đây cùng đồng ý rằng, việc Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này hoặc bất kỳ điều, khoản hay mục nào của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Về GDKQCK này bị vô hiệu không được coi là lý do để miễn trừ nghĩa vụ của một bên với bên kia. Các bên tự chịu trách nhiệm về các bất lợi và thiệt hại phát sinh nếu Hợp đồng bị vô hiệu theo quy định của pháp luật./

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

E. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

Các Điều Khoản Và Điều Kiện Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở (“**Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ**”) sau đây được áp dụng đối với dịch vụ Giao dịch Chứng chỉ quỹ mở trên Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở tại TCBS. Khi sử dụng dịch vụ do TCBS cung cấp, Khách Hàng xác nhận nhận rằng Khách Hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ, đồng ý tuân thủ và chịu sự ràng buộc của Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ được nêu dưới đây và bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào của Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ được TCBS thực hiện tại từng thời điểm. Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ cùng với lệnh mua/bán Chứng chỉ quỹ mở của Khách Hàng và các quy định liên quan khác do TCBS ban hành trong từng thời kỳ tạo thành Hợp đồng giữa TCBS và Khách Hàng về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Giao dịch Chứng chỉ quỹ mở.

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- 1.1 “**Bản Cáo Bạch**”: là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin về Quỹ, mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ, tóm tắt các nội dung cơ bản của Điều lệ Quỹ, phương án phát hành chứng chỉ Quỹ, thông tin tóm tắt về Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.
- 1.2 “**Các Điều Khoản Và Điều Kiện**”: là Các Điều Khoản Và Điều Kiện mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán tại TCBS.
- 1.3 “**Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung**”: là Các Điều Khoản Và Điều Kiện chung về việc mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán tại TCBS.
- 1.4 “**Công ty Quản lý quỹ**”: là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, được thực hiện các nghiệp vụ như sau: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán. Là doanh nghiệp trung gian thực hiện việc quản lý tài sản do nhà đầu tư ủy thác, và nhận phí quản lý.
- 1.5 “**Chứng chỉ quỹ**”: là loại chứng khoán do các Công ty Quản lý quỹ đại diện cho Quỹ mở phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử để xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Khách Hàng đối với tài sản và vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ do Khách Hàng nắm giữ.
- 1.6 “**Đại lý phân phối**”: là doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với Công ty Quản lý quỹ.
- 1.7 “**Đơn Vị Quỹ**”: là Đơn vị sở hữu vốn của Quỹ mà người sở hữu có một quyền biểu quyết.
- 1.8 “**Điều Lệ Quỹ**”: là Điều lệ và các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có) của Quỹ đầu tư tuân theo những quy định của luật áp dụng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- 1.9 “**Hợp Đồng**”: là bộ hợp đồng hoàn chỉnh điều chỉnh việc mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán tại TCBS, bao gồm Hợp đồng kiêm đề nghị mở tài khoản & sử dụng dịch vụ chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở, Các Điều Khoản Và Điều Kiện và các thỏa thuận, văn bản được ký kết giữa Khách Hàng và TCBS liên quan đến việc mở tài khoản và sử dụng dịch vụ chứng khoán từng thời điểm.
- 1.10 “**Giao dịch Chứng chỉ Quỹ**”: là giao dịch mua/bán, hoàn đổi/chuyển đổi Chứng chỉ quỹ đối với các Chứng chỉ quỹ mà TCBS là Đại lý phân phối.
- 1.11 “**Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở (TKGDCCQM)**”: là tài khoản mà thông qua đó, Khách Hàng mua, bán, sở hữu chứng chỉ quỹ của một hay nhiều quỹ mở do Công ty Quản lý quỹ quản lý và được phân phối bởi TCBS. TKGDCCQM do Đại lý phân phối phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng mở và quản lý.
- 1.12 “**Quỹ**”: là các Quỹ mở do các Công ty Quản lý quỹ đại diện phát hành và quản lý và TCBS làm Đại lý phân phối.
- 1.13 “**VSDC**”: là Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Các thuật ngữ khác được định nghĩa tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung và/hoặc theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch của Quỹ.

Điều 2. Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở

- 2.1. Bằng việc ký Hợp Đồng hoặc đề nghị/đăng ký mở TKGDCCQM tại TCBS, Khách Hàng đề nghị mở TKGDCCQM tại TCBS để thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ và chấp nhận tất cả Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ.
- 2.2. TKGDCCQM có thể đồng thời là TKGDCK hoặc được quản lý riêng biệt hoặc dưới hình thức tiểu khoản của TKGDCK hiện có của Khách Hàng tại TCBS. Trường hợp Khách Hàng đã có TKGDCK/Tài khoản lưu ký chứng khoán tại TCBS thì TKGDCK/Tài khoản lưu ký chứng khoán đó được coi là TKGDCCQM để Khách Hàng đầu tư chứng chỉ quỹ.
- 2.3. Trường hợp Khách Hàng chưa có TKGDCK/Tài khoản lưu ký chứng khoán tại TCBS thì bằng việc chấp thuận Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ hoặc đề nghị/đăng ký mở TKGDCCQ, Khách Hàng được coi là đề nghị mở TKGDCK và Tài khoản lưu ký chứng khoán tại TCBS.

Điều 3. Giao dịch Chứng chỉ quỹ

- 3.1. Khách Hàng đầu tư Chứng chỉ quỹ trong phạm vi các Quỹ do TCBS làm Đại lý phân phối phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và các tài liệu có liên quan tương ứng với Chứng chỉ quỹ mà Khách Hàng giao dịch;
- 3.2. Khi thực đặt lệnh mua bán Chứng chỉ quỹ trực tuyến, Khách Hàng được hiểu là đã chấp thuận Các Điều Khoản Và Điều Kiện giao dịch đối với giao dịch trực tuyến như áp dụng đối với TKGDCK do TCBS công bố trong Điều Khoản Và Điều Kiện Về Giao Dịch Điện Tử.

Điều 4. Cam kết của Khách Hàng

- 4.1. Khi thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ, Khách Hàng xác nhận rằng đã được cung cấp toàn bộ các tài liệu cần thiết liên quan đến Chứng chỉ quỹ, bao gồm nhưng không giới hạn Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, mục tiêu và chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ (nếu có), và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ.
- 4.2. Khách Hàng tuyên bố và đồng ý rằng các lệnh liên quan đến Đơn Vị Quỹ của Khách Hàng được thực hiện theo quy trình giao dịch được thỏa thuận giữa TCBS và Công ty Quản lý quỹ phù hợp với quy định của VSDC và quy định của pháp luật (tùy từng thời kỳ) áp dụng cho giao dịch Chứng chỉ quỹ mở mà Khách Hàng đặt lệnh.
- 4.3. Khách Hàng có trách nhiệm đảm bảo các thông tin và tài liệu Khách Hàng đã cung cấp cho TCBS là chính xác, trung thực và đầy đủ phù hợp với quy định của pháp luật.
- 4.4. Khách Hàng đồng ý rằng dữ liệu của Khách Hàng có thể được cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật cho phép. Dữ liệu đó có thể được sử dụng cho mục đích quản trị tài khoản, phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, xác minh về thuế khi cần thiết, cũng như để phát triển hoạt động bán hàng và tiếp thị cho các sản phẩm của Công ty Quản lý quỹ. Khách Hàng đồng ý rằng dữ liệu có thể được cung cấp cho các công ty do TCBS chỉ định để hỗ trợ các hoạt động có liên quan đến khoản đầu tư vào Đơn Vị Quỹ của Khách Hàng.
- 4.5. Khách Hàng đồng ý rằng TCBS, Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, đại lý chuyển nhượng hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác có liên quan có quyền sử dụng, lưu giữ, tiết lộ, chuyển, soạn, kết hợp, lấy và trao đổi (bất kể trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam), các thông tin liên quan đến Khách Hàng hoặc do Khách Hàng cung cấp trực tiếp hay gián tiếp, với, từ hoặc kết hợp với bất kỳ bên thứ ba nào mà TCBS, Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, đại lý chuyển nhượng hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác xét thấy là cần thiết. Khách Hàng cũng hiểu và đồng ý rằng bên thứ ba nhận thông tin đó có thể phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu luật áp dụng. Tất cả các thông tin sẽ được nỗ lực bảo vệ ở mức độ hợp lý tránh việc bị xâm nhập hoặc tiết lộ trái phép.

Điều 5. Nhận biết rủi ro khi đầu tư vào Chứng chỉ quỹ mở

- 5.1. Bằng việc ký Hợp Đồng hoặc đề nghị/đăng ký mở TKGDCQM hoặc thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ, Khách Hàng đã hiểu rằng giống như các hình thức đầu tư khác, Quỹ mở có những rủi ro như Khách Hàng có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu, rủi ro không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận đạt được thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn so với lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác được đầu tư cùng thời điểm và có cùng thời gian nắm giữ. Khách hàng nhận thức được và cam kết tự chịu những rủi ro tại thời điểm thực hiện đầu tư cũng như hiểu được khả năng chấp nhận của mình đối với rủi ro mất vốn đầu tư ban đầu hoặc lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng. Rủi ro trong đầu tư Chứng chỉ quỹ thông thường được phân thành những loại rủi ro sau đây:
- 5.2. Rủi ro chung liên quan đến hoạt động của Quỹ mở:
- 5.2.1. Rủi ro thị trường và rủi ro biến động giá: Rủi ro thị trường là rủi ro giá của tài sản của Quỹ bị biến động. Tùy thuộc vào chiến lược đầu tư của từng Quỹ mà tài sản của Quỹ tiềm ẩn các rủi ro khác nhau. (i) Nếu Quỹ đầu tư chính vào tài sản thu nhập cố định như trái phiếu, tiền gửi, tín phiếu thì rủi ro biến động giá của các tài sản này thấp hơn. (ii) Nếu Quỹ đầu tư chính vào cổ phiếu thì rủi ro biến động giá của các loại tài sản này cao và Khách Hàng đang chấp nhận một mức độ rủi ro cao, có khả năng thua lỗ khi giá cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ giảm giá. Giữa các loại hình quỹ thì rủi ro biến động giá khi đầu tư Quỹ đầu tư trái phiếu thường thấp hơn Quỹ đầu tư cổ phiếu.
- 5.2.2. Rủi ro tín dụng: Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với phần vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán. Rủi ro này chủ yếu liên quan đến các chứng khoán có thu nhập cố định như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, và hoặc trái phiếu doanh nghiệp. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét cân trọng và thường xuyên đánh giá chất lượng tín dụng trong quá trình lựa chọn đầu tư vào trái phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định khác.
- 5.2.3. Rủi ro thanh khoản đối với tài sản Quỹ đầu tư: Đây là rủi ro Quỹ không thể bán tài sản đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định với mức giá phù hợp do khối lượng giao dịch của tài sản này trên thị trường kém hoặc không có.
- 5.2.4. Rủi ro chiến lược: Rủi ro chiến lược xảy ra do Công ty Quản Lý Quỹ không thực thi được chiến lược đặt ra bởi thay đổi của các yếu tố nội tại như năng lực quản trị, điều hành Quỹ.
- 5.2.5. Rủi ro pháp lý: Đây là rủi ro có thể phát sinh khi Luật hoặc các quy định pháp lý thay đổi hoặc sự diễn giải và thi hành Luật và các quy định pháp lý này thay đổi khiến cho Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ bị ảnh hưởng. Những thay đổi về Luật hay các quy định pháp lý thường được thông báo trước khi có hiệu lực. Mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục sẽ được đánh giá, và nếu cần thiết và khả thi, Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư hoặc đối tượng các công ty được đầu tư.
- 5.2.6. Rủi ro bất khả kháng: Đây là rủi ro khi những sự kiện bất thường phát sinh có ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ, có thể bao gồm:
- a. Dịch bệnh có diễn biến tiêu cực ở diện rộng việc đối phó với dịch bệnh có thể gây gián đoạn hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế và/hoặc đến từng doanh nghiệp. Nếu tình huống đó xảy ra, không có gì bảo đảm rằng hoạt động kinh doanh của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại lý phân phối không bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể. Ngoài ra, việc thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giao dịch Chứng chỉ quỹ cũng có thể bị gián đoạn, kéo dài hoặc thậm chí không triển khai được. Tất cả những khả năng này đều có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Khách Hàng;
 - b. Chính trị, xã hội, pháp lý và thị trường có thể rơi vào tình trạng biến động không thể lường trước và sự thay đổi trong môi trường chính trị, pháp lý, xã hội ở Việt Nam có thể làm giảm sức cạnh tranh của các Quỹ, hạn chế các hoạt động hoặc làm tăng chi phí của Quỹ khi tuân thủ các quy định pháp luật và chính sách của Nhà nước. Vì vậy, khả năng thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo hoặc liên quan đến giao dịch Chứng chỉ quỹ có thể bị ảnh hưởng;
 - c. Các rủi ro bất khả kháng khác như: Thảm họa thiên nhiên như động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân, khủng hoảng hệ thống ngân hàng, các nhà lãnh đạo chủ chốt mất khả năng điều hành, rủi ro hệ thống như trục trặc trong hệ thống máy tính hoặc thông tin.
- Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro bất khả kháng có mức độ ảnh hưởng lớn do bản chất của những hiện tượng này. Đa dạng hoá danh mục đầu tư vào các ngành, lĩnh vực khác nhau góp phần giảm thiểu rủi ro này. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tổn thất do thảm họa có thể giúp giới hạn tác động của một số rủi ro bất khả kháng.

5.3. Rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Chứng chỉ quỹ mở:

- 5.3.1. Rủi ro biến động giá: Đây là rủi ro mà giá trị tài sản ròng trên 1 Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) tăng hoặc giảm theo thời gian. Theo đó, giá trị tài sản Chứng chỉ quỹ của Khách Hàng và/hoặc số tiền nhận được khi bán Chứng chỉ quỹ có thể biến động tăng hoặc giảm so với số tiền đầu tư đã bỏ ra. NAV/CCQ biến động phụ thuộc vào kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ, giá thị trường của tài sản mà Quỹ đầu tư, hoặc khi một hay một số Nhà Đầu Tư đang nắm giữ một số lượng lớn Đơn Vị Quỹ quyết định thực hiện lệnh bán các Đơn Vị Quỹ này cùng lúc. Điều này có thể ảnh hưởng bất lợi tới giá của Đơn Vị Quỹ nếu các lệnh bán này đòi hỏi Công Ty Quản Lý Quỹ phải thoái vốn các khoản đầu tư tại mức giá thấp. Các quy định về thực hiện một phần lệnh bán và tạm dừng lệnh bán có thể giảm thiểu rủi ro biến động giá của Quỹ.
- 5.3.2. Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà nhà đầu tư không bán lại được chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ do các chứng khoán trong danh mục của quỹ không thanh khoản được, hoặc do việc nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ thuộc các trường hợp thực hiện một phần lệnh bán hoặc tạm dừng lệnh bán theo quy định của Điều Lệ Quỹ.
- Đối với các chứng khoán trong danh mục của Quỹ, rủi ro thanh khoản sẽ được theo dõi trên cơ sở số ngày cần thiết để bán mỗi chứng khoán trong danh mục dựa trên dữ liệu giao dịch bình quân của chứng khoán đó trong năm liền trước. Các phương pháp cần thiết khác sẽ được tiến hành để giữ thời gian thoái vốn bình quân nằm trong các khoảng thời gian mục tiêu theo nguyên tắc cân trọng giới hạn trong quy định nội bộ.
- 5.4. Ngoài ra, việc thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ còn gắn với một số rủi ro khác, như: rủi ro liên quan đến rủi ro tỷ giá, rủi ro lạm phát, rủi ro lãi suất, và các rủi ro khác được trình bày tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch hoặc các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Quỹ hoặc các rủi ro khác liên quan đến đặc điểm của Quỹ.
- 5.5. Khách Hàng cam kết đã được cung cấp và nghiên cứu mọi thông tin mà Khách Hàng cho là cần thiết và thích hợp để quyết định thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ. Việc quyết định thực hiện từng giao dịch Chứng chỉ quỹ là quyết định Khách Hàng tự mình đưa ra sau khi đã suy xét và nhận thức được các rủi ro cơ bản liên quan đến giao dịch Chứng chỉ quỹ và tham khảo ý kiến tư vấn từ bên thứ ba/nhà tư vấn chuyên nghiệp khác (nếu Khách Hàng thấy cần thiết).

Điều 6. Các quy định khác

- 6.1. Hiệu lực Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ này chấm dứt trong các trường hợp sau:
- 6.1.1. Hai bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc cùng chấm dứt dịch vụ giao dịch Chứng chỉ quỹ;
- 6.1.2. Do quy định của pháp luật hiện hành hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- 6.1.3. Khách Hàng chủ động đóng TKGDCQM, hoặc TKGDCQM của Khách Hàng bị đóng theo quy định tại Điều 16 tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung; hoặc
- 6.1.4. TCBS dừng cung cấp dịch vụ giao dịch Chứng chỉ quỹ, hoặc TCBS không còn là Đại lý phân phối của Quỹ.
- Không bị ảnh hưởng bởi việc Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ chấm dứt trước thời hạn, tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách Hàng đối với TCBS theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn thành khi Khách Hàng thực hiện tất cả các nghĩa vụ đó với TCBS.
- 6.2. Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ này sẽ theo quy định tại Điều 14 của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung.

- 6.3. Đối với các vấn đề không được quy định cụ thể tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ thì sẽ được áp dụng theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ và Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung thì quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ được ưu tiên áp dụng.
- 6.4. Bằng việc ký Hợp Đồng và/hoặc thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ tại TCBS, Khách Hàng xác nhận rằng, việc Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ hoặc bất kỳ điều khoản nào của Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ bị vô hiệu hoặc bị coi là không có hiệu lực (nếu có) đều không được coi là lý do để miễn trừ nghĩa vụ của Khách Hàng đã phát sinh đối với TCBS. Khách Hàng tự chịu trách nhiệm về các tổn thất, thiệt hại phát sinh (nếu có) từ việc thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ của mình.
- 6.5. Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ là một phần không tách rời và gắn liền với Hợp Đồng được giao kết giữa Khách Hàng và TCBS. Khách Hàng xác nhận và đồng ý rằng Các Điều Khoản Và Điều Kiện CCQ cùng với Hợp Đồng và các thỏa thuận, văn bản khác được ký kết giữa TCBS và Khách Hàng sẽ tạo thành một bộ hợp đồng hoàn chỉnh và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa Khách Hàng và TCBS.

[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]